

CÔNG KHAI BẢNG LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THÁNG 9 NĂM 2024

| Mức lương tối thiểu 2.340.000        |                                 |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |         |
|--------------------------------------|---------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|---------|
| STT                                  | HỌ TÊN                          | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             | Số ngày làm việc | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung            |                     |                       |                  |                    |                      |                                             | Thu nhập bổ sung theo NLV | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú |
|                                      |                                 |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi | Tổng lương 1 tháng          |                  |                |                                         |                        | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán | Tổng thu nhập bổ sung                       |                           |                               |                        |         |
| A                                    | B                               | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)* 8                | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13               | 14=21/NLV*13   | 15                                      | 16=14-15               | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13              | 25                            | 26=14+24+25            | C       |
| I                                    | HỘI ĐỒNG TRƯỞNG - BAN GIÁM HIỆU |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |         |
| 1                                    | NGUYEN THANH HIEP               | 101004443424 | 6,92                  |                 | -                   | 1,00             | -                | -                    | 20                      | 1,58                        | 25               | 1,98            | 26.872.560                  | 21               | 26.872.560     | 2.557.526                               | 24.315.034             |                             | -                   | 7,00                  | 2,50             | -                  | 600.000              | 7.568.000                                   | 7.568.000                 | -                             | 31.883.034             |         |
| 2                                    | PHAN NGUYEN THANH VAN           | 108004055432 | 6,56                  |                 | -                   | 0,80             | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,84            | 21.528.000                  | 21               | 21.528.000     | 1.980.576                               | 19.547.424             |                             | -                   | 5,50                  | 2,00             | -                  | 500.000              | 6.444.000                                   | 6.444.000                 | -                             | 25.991.424             |         |
| 3                                    | PHAM QUOC DUNG                  | 106004503511 | 5,08                  |                 | -                   | 0,80             | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 13.759.200                  | 21               | 13.759.200     | 1.582.308                               | 12.176.892             | 20                          | 1,18                | 5,50                  |                  |                    | 500.000              | 7.803.840                                   | 7.803.840                 | -                             | 19.980.732             |         |
| 4                                    | NGUYEN TRONG HAO                | 107003698699 | 6,20                  |                 |                     | 1,00             | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,80            | 21.060.000                  | 21               | 21.060.000     | 1.937.520                               | 19.122.480             |                             | -                   | 7,00                  | 3,00             |                    | 600.000              | 7.480.000                                   | 7.480.000                 | -                             | 26.602.480             |         |
| TỔNG HỘI ĐỒNG TRƯỞNG - BAN GIÁM HIỆU |                                 |              | 24,76                 | -               | -                   | 3,60             |                  |                      |                         | 1,58                        |                  | 5,62            | 83.219.760                  |                  | 83.219.760     | 8.057.930                               | 75.161.830             |                             | 1,18                | 25,00                 | 7,50             | -                  | 2.200.000            | 29.295.840                                  | 29.295.840                | -                             | 104.457.670            |         |
| II                                   | PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ            |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |         |
| 1                                    | LUU XUAN THU                    | 108004443358 | 6,10                  |                 | -                   | 0,50             | -                |                      | 37                      | 2,44                        | 25               | 1,65            | 25.019.280                  | 21               | 25.019.280     | 2.433.202                               | 22.586.078             |                             | -                   | 5,50                  | 2,50             | -                  | 300.000              | 6.140.000                                   | 6.140.000                 | -                             | 28.726.078             |         |
| 2                                    | THAI THI TU TRINH               | 104801639679 | 4,74                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 11.091.600                  | 21               | 11.091.600     | 1.275.534                               | 9.816.066              | 20                          | 0,95                | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 5.834.320                                   | 5.834.320                 | -                             | 15.650.386             |         |
| 3                                    | NGUYEN DANG DUY                 | 103003046296 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21               | 7.020.000      | 807.300                                 | 6.212.700              | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.204.000                                   | 4.204.000                 | -                             | 10.416.700             |         |
| 4                                    | NGUYEN VAN HONG SON             | 103866675319 | 3,33                  |                 | -                   | 0,40             | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 8.728.200                   | 21               | 8.728.200      | 1.003.743                               | 7.724.457              | 20                          | 0,75                | 4,30                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 5.957.640                                   | 5.957.640                 | -                             | 13.682.097             |         |
| 5                                    | BUI NGUYEN UYEN VY              | 109870577473 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21               | 6.247.800      | 718.497                                 | 5.529.303              | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                 | -                             | 8.946.863              |         |
| 6                                    | TAN THI THUY HANH               | 103879253809 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 10.108.800                  | 21               | 10.108.800     | 1.162.512                               | 8.946.288              | 20                          | 0,86                | 2,30                  |                  | -                  | 300.000              | 4.969.760                                   | 4.969.760                 | -                             | 13.916.048             |         |
| TỔNG VC                              |                                 |              | 24,16                 |                 | -                   | 0,90             |                  |                      |                         | 2,44                        |                  | 1,65            | 68.215.680                  |                  | 68.215.680     | 7.400.788                               | 60.814.892             |                             | 3,69                | 18,40                 | 4,25             | 1.000.000          | 1.800.000            | 30.523.280                                  | 30.523.280                | -                             | 91.338.172             |         |
| 7                                    | NGUYEN THI THANH SON            | 102873558699 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21               | 7.020.000      | 807.300                                 | 6.212.700              | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.204.000                                   | 4.204.000                 | -                             | 10.416.700             |         |
| 8                                    | NGUYEN QUOC KHANH               | 109006075980 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21               | 7.020.000      | 807.300                                 | 6.212.700              | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.324.000                                   | 4.324.000                 | -                             | 10.536.700             |         |
| 9                                    | NGUYEN THI TAM                  | 107880087218 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21               | 5.475.600      | 629.694                                 | 4.845.906              | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                 | -                             | 7.977.026              |         |
| TỔNG HĐLĐ                            |                                 |              | 8,34                  |                 | -                   | -                |                  |                      |                         | -                           |                  | -               | 19.515.600                  |                  | 19.515.600     | 2.244.294                               | 17.271.306             |                             | 1,67                | 6,30                  | -                | 1.000.000          | 900.000              | 11.659.120                                  | 11.659.120                | -                             | 28.930.426             |         |
| TỔNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ            |                                 |              | 32,50                 |                 | -                   | 0,90             | -                | -                    |                         | 2,44                        |                  | 1,65            | 87.731.280                  |                  | 87.731.280     | 9.645.082                               | 78.086.198             |                             | 5,36                | 24,70                 | 4,25             | 2.000.000          | 2.700.000            | 42.182.400                                  | 42.182.400                | -                             | 120.268.598            |         |
| III                                  | PHÒNG THANH TRA PHÁP CHẾ        |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |         |
| 1                                    | NGO THI NGOC THU                | 105004442733 | 5,08                  |                 | -                   | 0,50             | -                |                      | 18                      | 1,00                        | 25               | 1,40            | 18.671.796                  | 21               | 18.671.796     | 1.771.862                               | 16.899.934             |                             | -                   | 4,80                  | 2,00             | -                  | 300.000              | 5.252.000                                   | 5.252.000                 | -                             | 22.151.934             |         |
| 2                                    | NGUYEN THI HANG                 | 101878101872 | 4,65                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,16            | 13.601.250                  | 21               | 13.601.250     | 1.251.315                               | 12.349.935             |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.080.000                                   | 3.080.000                 | -                             | 15.429.935             |         |
| 3                                    | LUU TRAM ANH                    | 100869970434 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21               | 6.247.800      | 718.497                                 | 5.529.303              | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                 | -                             | 9.066.863              |         |
| 4                                    | NGUYEN THI THAM                 | 107871694726 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21               | 6.247.800      | 718.497                                 | 5.529.303              | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                 | -                             | 8.946.863              |         |
| TỔNG VC                              |                                 |              | 15,07                 |                 | -                   | 0,50             | -                | -                    | 18,00                   | 1,00                        | 50,00            | 2,56            | 44.768.646                  |                  | 44.768.646     | 4.460.171                               | 40.308.475             |                             | 1,07                | 11,40                 | 2,00             | -                  | 1.200.000            | 15.287.120                                  | 15.287.120                | -                             | 55.595.595             |         |
| 5                                    | PHAN VAN QUOC                   | 109873997635 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 9.336.600                   | 21               | 9.336.600      | 1.073.709                               | 8.262.891              | 20                          | 0,80                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 5.063.320                                   | 5.063.320                 | -                             | 13.326.211             |         |
| 6                                    | TRAN THI HANH                   | 105874367140 | 4,68                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 10.951.200                  | 21               | 10.951.200     | 1.259.388                               | 9.691.812              | 20                          | 0,94                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 5.162.240                                   | 5.162.240                 | -                             | 14.854.052             |         |
| 7                                    | HUYNH THI MY NGA                | 109874403876 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21               | 5.475.600      | 629.694                                 | 4.845.906              | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                 | -                             | 7.977.026              |         |
| TỔNG HĐLĐ                            |                                 |              | 11,01                 |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 25.763.400                  |                  | 25.763.400     | 2.962.791                               | 22.800.609             |                             | 2,20                | 6,00                  | -                | 500.000            | 900.000              | 13.356.680                                  | 13.356.680                | -                             | 36.157.289             |         |
| TỔNG PHÒNG THANH TRA PHÁP CHẾ        |                                 |              | 26,08                 |                 | -                   | 0,50             | -                |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |         |



| STT                          | HỌ TÊN                 | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                     | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                       |
|------------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-----------------------|
|                              |                        |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                               |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung |
| A                            | B                      | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)* 8                | 10               | 11=(2+4+5)* 10  | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1 7      | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+( 2+4+5+19+20)*400 .000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                     |
| 15                           | DANG QUANG HIEN        | 109867597789 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.631.120                                     | 3.631.120                     | -                      | 8.477.026   |                       |
| 15                           | NGUYEN MINH TAI        | 106879992185 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  |                    | 300.000              | 3.131.120                                     | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                       |
| TỔNG HDLD                    |                        |              | 14,04                 |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 32.853.600                  |                | 32.853.600                              | 3.778.164              | 29.075.436         |                             | 2,81                | 13,50                 | -                | 1.000.000          | 1.800.000            | 20.386.720                                    | 20.386.720                    | -                      | 49.462.156  |                       |
| 17                           | NGUYEN NGOC TRI        | 101007073570 | 2,407                 |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.632.380                   | 21             | 5.632.380                               | 647.724                | 4.984.656          | 20                          | 0,48                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.689.276                                     | 3.689.276                     | -                      | 8.673.932   |                       |
| 18                           | LE HUU TUAN HUY        | 108876349521 | 2,23                  |                 | -                   |                  | -                | 0,10                 |                         | -                           |                  | -               | 5.452.200                   | 21             | 5.452.200                               | 600.093                | 4.852.107          | 20                          | 0,45                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.035.640                                     | 3.035.640                     | -                      | 7.887.747   |                       |
| 19                           | NGUYEN TRONG TAI       | 105004198808 | 3,67                  |                 | -                   |                  | -                | 0,10                 |                         | -                           |                  | -               | 8.821.800                   | 21             | 8.821.800                               | 987.597                | 7.834.203          | 20                          | 0,73                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.785.560                                     | 4.785.560                     | -                      | 12.619.763  |                       |
| 20                           | PHAM THI LOAN          | 109004443714 | 2,80                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.552.000                   | 21             | 6.552.000                               | 753.480                | 5.798.520          | 20                          | 0,56                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.530.400                                     | 3.530.400                     | -                      | 9.328.920   |                       |
| 16                           | NGUYEN MINH CHAU       | 107881706503 | 2,05                  |                 | -                   |                  | -                | 0,10                 |                         | -                           |                  | -               | 5.031.000                   | 21             | 5.031.000                               | 551.655                | 4.479.345          | 20                          | 0,41                | 2,00                  |                  |                    | 300.000              | 2.879.400                                     | 2.879.400                     | -                      | 7.358.745   |                       |
| 21                           | PHAM THI KIEU          | 106868040514 | 1,18                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 2.761.200                   | 21             | 2.761.200                               | 317.538                | 2.443.662          | 20                          | 0,24                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 2.124.240                                     | 2.124.240                     | -                      | 4.567.902   |                       |
| TỔNG HD III                  |                        |              | 14,34                 | -               | -                   | -                | -                | 0,30                 | -                       | -                           | -                | -               | 34.250.580                  |                | 34.250.580                              | 3.858.087              | 30.392.493         |                             | 2,87                | 12,00                 | -                | 1.000.000          | 1.800.000            | 20.044.516                                    | 20.044.516                    | -                      | 50.437.009  |                       |
| TỔNG VĂN PHÒNG TRƯỞNG        |                        |              | 60,39                 | -               | -                   | 0,80             | -                | 0,30                 | -                       | -                           | 25,00            | 0,85            | 145.868.580                 |                | 145.868.580                             | 16.465.422             | 129.403.158        | -                           | 11,56               | 58,20                 | 2,00             | 3.500.000          | 6.600.000            | 85.699.116                                    | 85.699.116                    | 12.826.211             | 227.928.485 |                       |
| VI PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ |                        |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                               |                               |                        |             |                       |
| 1                            | BUI DANG PHUONG CHI    | 106004915136 | 3,99                  |                 | -                   | 0,50             | 0,20             |                      | -                       |                             |                  | -               | 10.974.600                  | 21             | 10.974.600                              | 1.262.079              | 9.712.521          | 20                          | 0,90                | 5,00                  | 2,25             | 500.000            | 300.000              | 7.597.320                                     | 7.597.320                     | -                      | 17.309.841  |                       |
| 2                            | HO CHI TRUNG           | 101004455558 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.490.440                                     | 4.490.440                     | -                      | 11.386.537  |                       |
| 3                            | NGUYEN THI XUAN PHUONG | 102004554719 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 9.336.600                   | 21             | 9.336.600                               | 1.073.709              | 8.262.891          | 20                          | 0,80                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 5.063.320                                     | 5.063.320                     | -                      | 13.326.211  |                       |
| 4                            | PHAM THANH DONG        | 105006149734 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.990.440                                     | 3.990.440                     | -                      | 10.886.537  |                       |
| 5                            | PHAM THI BICH HUONG    | 101006800338 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.610.440                                     | 4.610.440                     | -                      | 11.506.537  |                       |
| 6                            | VO NGOC THONG          | 102003070224 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.204.000                                     | 4.204.000                     | -                      | 10.416.700  |                       |
| 7                            | VU TRAN HOAN VU        | 103004669463 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.990.440                                     | 3.990.440                     | -                      | 10.886.537  |                       |
| 8                            | NGUYEN HOANG THAI      | 100004717412 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                     | 3.704.000                     | -                      | 9.916.700   |                       |
| 9                            | TRAN TRONG THUAN       | 107004444851 | 3,63                  | 19              | 0,690               |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 10.108.098                  | 21             | 10.108.098                              | 1.162.431              | 8.945.667          | 20                          | 0,86                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.849.500                                     | 4.849.500                     | -                      | 13.795.167  |                       |
| 10                           | NGUYEN HONG SON        | 102875613376 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.631.120                                     | 3.631.120                     | -                      | 8.477.026   |                       |
| TỔNG VC                      |                        |              | 33,27                 |                 | 0,69                | 0,50             | 0,20             | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 81.103.698                  |                | 81.103.698                              | 9.326.925              | 71.776.773         |                             | 6,89                | 23,30                 | 2,25             | 3.000.000          | 3.000.000            | 46.131.020                                    | 46.131.020                    | -                      | 117.907.793 |                       |
| 11                           | HUYNH THANH THUY       | 102872308234 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.631.120                                     | 3.631.120                     | -                      | 8.477.026   |                       |
| 12                           | HUYNH TRUNG HIEU       | 102875637815 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.631.120                                     | 3.631.120                     | -                      | 8.477.026   |                       |
| 13                           | BUI XUAN QUANG         | 100868104167 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                     | 3.704.000                     | -                      | 9.          |                       |



| STT                                    | HỌ TÊN                | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    |                                 | Số ngày làm việc | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung            |                     |                       |                  |                    |                      |                                                 | Thu nhập bổ sung theo NLV | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú |
|----------------------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------|---------------------------------|------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|-------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|---------|
|                                        |                       |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi    | Tổng lương 1 tháng              |                  |                |                                         |                        | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán | Tổng thu nhập bổ sung                           |                           |                               |                        |         |
| A                                      | B                     | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>*10 | 12=(2+4+5+6+9+11)*<br>2.340.000 | 13               | 14=21/NLV*13   | 15                                      | 16=14-15               | 17                          | 18=(2+4+5)*<br>7    | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(<br>2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13              | 25                            | 26=14+24+25            | C       |
| 12                                     | TRAN QUY THANH        | 102006639068 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.792.200                       | 21               | 7.792.200      | 896.103                                 | 6.896.097              | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.110.440                                       | 4.110.440                 | -                             | 11.006.537             |         |
| 13                                     | UNG NHAT PHUONG       | 102007095314 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.792.200                       | 21               | 7.792.200      | 896.103                                 | 6.896.097              | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.110.440                                       | 4.110.440                 | -                             | 11.006.537             |         |
| 14                                     | VO THI THANH HUONG    | 104006768622 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.020.000                       | 21               | 7.020.000      | 807.300                                 | 6.212.700              | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                       | 3.704.000                 | -                             | 9.916.700              |         |
| 15                                     | VUONG THUAN AN        | 108004400909 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 9.336.600                       | 21               | 9.336.600      | 1.073.709                               | 8.262.891              | 20                          | 0,80                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.683.320                                       | 4.683.320                 | -                             | 12.946.211             |         |
| TỔNG VC                                |                       |              | 58,58                 |                 | 0,25                | 1,20             | 0,40             | -                    | 38,00                   | 2,31                        | 50,00            | 2,92               | 153.639.252                     |                  | 153.639.252    | 16.882.742                              | 136.756.510            |                             | 9,67                | 41,50                 | 4,25             | -                  | 4.500.000            | 69.438.932                                      | 69.438.932                | -                             | 206.195.442            |         |
| 16                                     | LAM DO PHUONG UYEN    | 106867558591 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 8.564.400                       | 21               | 8.564.400      | 984.906                                 | 7.579.494              | 20                          | 0,73                | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 4.476.880                                       | 4.476.880                 | -                             | 12.056.374             |         |
| 17                                     | NGUYEN VAN HUYNH      | 102875864584 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.247.800                       | 21               | 6.247.800      | 718.497                                 | 5.529.303              | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                       | 3.417.560                 | -                             | 8.946.863              |         |
| TỔNG HDLD                              |                       |              | 6,33                  | -               | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -                  | 14.812.200                      |                  | 14.812.200     | 1.703.403                               | 13.108.797             |                             | 1,27                | 4,50                  | -                | -                  | 600.000              | 7.894.440                                       | 7.894.440                 | -                             | 21.003.237             |         |
| TỔNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC     |                       |              | 64,91                 |                 | 0,25                | 1,20             | 0,40             | -                    |                         | 2,31                        |                  | 2,92               | 168.451.452                     |                  | 168.451.452    | 18.586.145                              | 149.865.307            |                             | 10,94               | 46,00                 | 4,25             | -                  | 5.100.000            | 77.333.372                                      | 77.333.372                | -                             | 227.198.679            |         |
| IX PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC   |                       |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    |                                 |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                                 |                           |                               |                        |         |
| 1                                      | NGUYEN NAM HA         | 102004443232 | 5,08                  |                 | -                   | 0,50             | -                |                      | 17                      | 0,95                        | 25               | 1,40               | 18.541.224                      | 21               | 18.541.224     | 1.756.846                               | 16.784.378             |                             | -                   | 5,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.532.000                                       | 4.532.000                 | -                             | 21.316.378             |         |
| 2                                      | NGUYEN DO NHU HAN     | 102004713138 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 9.336.600                       | 21               | 9.336.600      | 1.073.709                               | 8.262.891              | 20                          | 0,80                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.683.320                                       | 4.683.320                 | -                             | 12.946.211             |         |
| 3                                      | NGUYEN THANH BANG     | 108006605851 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21               | 5.475.600      | 629.694                                 | 4.845.906              | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                       | 3.131.120                 | -                             | 7.977.026              |         |
| 4                                      | NGUYEN THI THANH TRUC | 108004443427 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 9.336.600                       | 21               | 9.336.600      | 1.073.709                               | 8.262.891              | 20                          | 0,80                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.683.320                                       | 4.683.320                 | -                             | 12.946.211             |         |
| 5                                      | PHAN DUY QUANG        | 101004443709 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 16                      | 0,69                        | 25               | 1,08               | 14.253.408                      | 21               | 14.253.408     | 1.348.514                               | 12.904.894             |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.028.000                                       | 3.028.000                 | -                             | 15.932.894             |         |
| 6                                      | TRAN BAO NGOC         | 109005163253 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 9                       | 0,30                        | 25               | 0,83               | 11.143.548                      | 21               | 11.143.548     | 1.057.482                               | 10.086.066             |                             | -                   | 3,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.452.000                                       | 3.452.000                 | -                             | 13.538.066             |         |
| 7                                      | PHAM THI KIM ANH      | 105001075530 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.247.800                       | 21               | 6.247.800      | 718.497                                 | 5.529.303              | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                       | 3.417.560                 | -                             | 8.946.863              |         |
| TỔNG VC                                |                       |              | 25,72                 |                 | -                   | 0,50             | 0,30             | -                    | 42,00                   | 1,94                        | 75,00            | 3,31               | 74.334.780                      |                  | 74.334.780     | 7.658.451                               | 66.676.329             |                             | 2,60                | 19,40                 | -                | 500.000            | 2.100.000            | 26.927.320                                      | 26.927.320                | -                             | 93.603.649             |         |
| 8                                      | HUYNH YEN NHU         | 102873002717 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21               | 5.475.600      | 629.694                                 | 4.845.906              | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                       | 3.131.120                 | -                             | 7.977.026              |         |
| 9                                      | TRUONG THI THANH THAO | 107878922598 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.247.800                       | 21               | 6.247.800      | 718.497                                 | 5.529.303              | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                       | 3.537.560                 | -                             | 9.066.863              |         |
| TỔNG HDLD                              |                       |              | 5,01                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -                  | 11.723.400                      |                  | 11.723.400     | 1.348.191                               | 10.375.209             |                             | 1,00                | 4,30                  | -                | -                  | 600.000              | 6.668.680                                       | 6.668.680                 | -                             | 17.043.889             |         |
| TỔNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC |                       |              | 30,73                 |                 | -                   | 0,50             | 0,30             | -                    |                         | 1,94                        |                  | 3,31               | 86.058.180                      |                  | 86.058.180     | 9.006.642                               | 77.051.538             |                             | 3,60                | 23,70                 | -                | 500.000            | 2.700.000            | 33.596.000                                      | 33.596.000                | -                             | 110.647.538            |         |
| X PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN              |                       |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    |                                 |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                                 |                           |                               |                        |         |
| 1                                      | NGUYEN THANH THUAN    | 106001152094 | 4,65                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 10.881.000                      | 21               | 10.881.000     | 1.251.315                               | 9.629.685              | 20                          | 0,93                | 3,00                  |                  | -                  | 300.000              | 5.536.200                                       | 5.536.200                 | -                             | 15.165.885             |         |
| 2                                      | VU THI HAI YEN        | 101876771217 | 4,65                  |                 | -                   |                  | -                | 0,20                 |                         | -                           |                  | -                  | 11.349.000                      | 21               | 11.349.000     | 1.251.315                               | 10.097.685             | 20                          | 0,93                | 4,80                  | 2,00             | -                  | 300.000              | 7.056.200                                       | 7.056.200                 | -                             | 17.153.885             |         |
| 3                                      | VAN THUY NGUYEN       | 100004443452 | 4,98                  | 9               | 0,448               |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 12.701.988                      | 21               | 12.701.988     | 1.460.729                               | 11.241.259             | 20                          | 1,09                | 4,80                  | 2,00             | -                  | 300.000              | 7.731.678                                       | 7.731.678                 | -                             | 18.972.937             |         |
| 4                                      | NGUYEN THU THANH      | 109872739048 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  |                    |                                 |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                                 |                           |                               |                        |         |



| STT                            | HỌ TÊN                 | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                                                                                |
|--------------------------------|------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                |                        |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung                                                                          |
| A                              | B                      | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                                                                              |
| TỔNG VC                        |                        |              | 3,00                  | -               | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 7.020.000                   |                | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          |                             | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | 2.400.000              | 12.316.700  |                                                                                                |
| 2                              | LE DOAN BA LONG        | 105867831389 | 3,00                  | -               |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 9.916.700   |                                                                                                |
| 3                              | TRAN THANH THANG       | 106871757421 | 3,00                  | -               |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.824.000                                   | 3.824.000                     | -                      | 10.036.700  |                                                                                                |
| 4                              | HUYNH NGOC THANG       | 108006300295 | 2,34                  | -               |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| 5                              | TRAN NGOC TUAN         | 109879964648 | 2,34                  | -               |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| 6                              | TRAN KIEN DUNG         | 107882105419 | 2,34                  | -               |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | -           | Tam ngưng lương chờ ký HĐ chính thức                                                           |
| 7                              | BUI MANH SON           | 104006263663 | 2,34                  | -               |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| TỔNG HDLD                      |                        |              | 15,36                 | -               | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 30.466.800                  |                | 30.466.800                              | 3.503.682              | 26.963.118         |                             | 3,07                | 12,30                 | -                | -                  | 1.800.000            | 16.921.360                                  | 16.921.360                    | -                      | 43.884.478  |                                                                                                |
| TỔNG PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN |                        |              | 18,36                 | -               | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 37.486.800                  |                | 37.486.800                              | 4.310.982              | 33.175.818         |                             | 3,67                | 14,30                 | -                | -                  | 2.100.000            | 20.625.360                                  | 20.625.360                    | 2.400.000              | 56.201.178  |                                                                                                |
| XIV PHÒNG KHẢO THÍ             |                        |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                                                                                |
| 1                              | NGUYEN DUNG TUAN       | 103004443295 | 4,98                  | 7               | 0,349               | 0,50             | -                |                      | 28                      | 1,63                        | 25               | 1,46            | 20.867.554                  | 21             | 20.867.554                              | 2.007.650              | 18.859.904         |                             | -                   | 5,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.631.440                                   | 4.631.440                     | -                      | 23.491.344  |                                                                                                |
| 2                              | BUI QUANG HUNG         | 107004443716 | 3,00                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.824.000                                   | 3.824.000                     | -                      | 10.036.700  |                                                                                                |
| 3                              | NGUYEN THI PHUONG DUNG | 102001966012 | 3,33                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.110.440                                   | 4.110.440                     | -                      | 11.006.537  |                                                                                                |
| 4                              | QUACH NGOC TRAN        | 108002827606 | 3,33                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.110.440                                   | 4.110.440                     | -                      | 11.006.537  |                                                                                                |
| 5                              | NGUYEN DUC QUYNH VY    | 102006261560 | 3,33                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,83            | 9.740.250                   | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844.147          |                             | -                   | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 2.432.000                                   | 2.432.000                     | 59.769.996             | 71.046.143  | - Truy lãnh lương, PC, tết từ 1/3/2020-31/8/2024 do thay đổi hệ số lương từ 2,67 - 3,00 - 3,33 |
| 6                              | TRAN THU NGA           | 109867896823 | 3,66                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,92            | 10.705.500                  | 21             | 10.705.500                              | 984.906                | 9.720.594          | 0                           | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.684.000                                   | 2.684.000                     | -                      | 12.404.594  |                                                                                                |
| 7                              | TRAN TIEN TAI          | 106005672239 | 3,99                  | -               | 0,40                | 0,30             |                  | 10                   | 0,44                    | 25                          | 1,10             | 14.570.010      | 21                          | 14.570.010     | 1.380.214                               | 13.189.796             |                    | -                           | 4,50                | 1,75                  | 500.000          | 300.000            | 5.056.000            | 5.056.000                                   | -                             | 18.245.796             |             |                                                                                                |
| TỔNG VC                        |                        |              | 25,62                 | -               | 0,35                | 0,90             | 0,30             | -                    | 38,00                   | 2,07                        | 100,00           | 4,30            | 78.487.714                  |                | 78.487.714                              | 7.868.379              | 70.619.335         |                             | 1,93                | 20,70                 | 1,75             | 500.000            | 2.100.000            | 26.848.320                                  | 26.848.320                    | 59.769.996             | 157.237.651 |                                                                                                |
| 8                              | NGUYEN HOANG YEN       | 106872663281 | 2,34                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| 9                              | NGUYEN THU UYEN        | 100872895219 | 2,34                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| 10                             | TO VU QUYNH HUONG      | 106001816417 | 2,34                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| 11                             | NGUYEN THI MY HANH     | 101878452042 | 2,67                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                     | -                      | 9.066.863   |                                                                                                |
| 12                             | NGUYEN THI MY NUONG    | 105869714822 | 2,34                  | -               | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                                                                                |
| TỔNG HDLD                      |                        |              | 12,03                 | -               | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 28.150.200                  |                | 28.150.200                              | 3.237.273              | 24.912.927         |                             | 2,41                | 10,30                 | -                | -                  | 1.500.000            | 16.062.040                                  | 16.062.040                    | -                      | 40.974.967  |                                                                                                |
| TỔNG PHÒNG KHẢO THÍ            |                        |              | 37,65                 | -               | 0,35                | 0,90             | 0,30             | -                    |                         | 2,07                        |                  | 4,30            | 106.637.914                 |                | 106.637.914                             | 11.105.652             | 95.532.262         |                             | 4,34                | 31,00                 | 1,75             | 500.000            | 3.600.000            | 42.910.360                                  | 42.910.360                    | 59.769.996             | 198.212.618 |                                                                                                |
| XV PHÒNG THIẾT BỊ DỰ ÁN        |                        |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                                                                                |
| 1                              | TRAN NGUYEN DAN QUYNH  | 105001336582 | 4,40                  | -               | 0,40                | -                |                  |                      |                         | -                           |                  | -               | 11.232.000                  | 21             | 11.232.000                              | 1.291.680              | 9.940.320          | 20                          | 0,96                | 4,30                  | -                | -                  | 300.000              | 6.186.400                                   |                               |                        |             |                                                                                                |



| STT | HỌ TÊN                 | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5%BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                     |
|-----|------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-------------------------------------|
|     |                        |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                        |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung               |
| A   | B                      | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                           | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                   |
| 25  | DUONG THI THANH NGUYEN | 107871402979 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                | 0,10                 |                         | -                           |                  | -               | 5.709.600                   | 21             | 5.709.600                              | 629.694                | 5.079.906          | 20                          | 0,47                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.531.120                                   | 3.531.120                     | -                      | 8.611.026   |                                     |
| 26  | DO THI LUU QUYNH       | 106869930945 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | -                           | 21             | -                                      | -                      | -                  | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 1.868.000                                   | 1.868.000                     | -                      | 1.868.000   | Thai sản từ 01/03/2024-30/08/2024   |
| 27  | LE MINH NHAN           | 108001677069 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 40                          | 0,94                | 2,00                  | -                | 200.000            | 300.000              | 4.426.240                                   | 4.426.240                     | -                      | 9.272.146   |                                     |
| 28  | NGUYEN THI XUAN NHU    | 101867125992 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                              | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 9.916.700   |                                     |
| 29  | TRAN PHAN HUYNH NGAN   | 102003086639 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 200.000            | 300.000              | 3.331.120                                   | 3.331.120                     | -                      | 8.177.026   |                                     |
| 30  | TRUONG TIEN SANG       | 101872899514 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 31  | NGUYEN HUYNH DUC NHA   | 103872806495 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 32  | DAO NGUYEN THANG       | 104867249360 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 33  | NGUYEN DUY QUOC KHANH  | 100876064254 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 34  | NGUYEN VAN HOANG       | 109873457414 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 35  | NGUYEN THE PHONG       | 101869160412 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 36  | PHAN NGUYEN MINH THAO  | 108872783911 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.251.120                                   | 3.251.120                     | -                      | 8.097.026   |                                     |
| 37  | DANG NHAN NGHIA        | 103869597838 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 38  | DOAN THI MY NHIEEN     | 104868016525 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                              | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 9.916.700   |                                     |
| 39  | HUYNH THI KIM HOA      | 103003396070 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                              | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 9.916.700   |                                     |
| 40  | NGUYEN PHU THINH       | 101871001354 | 2,67                  |                 | -                   |                  |                  | 0,20                 |                         | -                           |                  | -               | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                              | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.361.043   |                                     |
| 41  | LUU DAO MARRY LYNA     | 104870998548 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                              | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 8.946.863   |                                     |
| 42  | NGUYEN THI NGOC TUYEN  | 104872716463 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 43  | TRINH THI LUONG        | 101872844569 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 44  | TRAN LE VY             | 103871085508 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 2.499.120                   | 21             | 2.499.120                              | 718.497                | 1.780.623          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | 1.780.623   | Học nước ngoài từ 2/1/2024-2/1/2026 |
| 45  | HUA NGHIA THANH        | 106870997177 | 2,67                  |                 | -                   |                  |                  | 0,30                 |                         | -                           |                  | -               | 6.949.800                   | 21             | 6.949.800                              | 799.227                | 6.150.573          | 20                          | 0,53                | 3,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 4.617.560                                   | 4.617.560                     | -                      | 10.768.133  |                                     |
| 46  | LA MONG THUY           | 107004443416 | 2,67                  |                 | -                   |                  |                  | 0,30                 |                         | -                           |                  | -               | 6.949.800                   | 21             | 6.949.800                              | 799.227                | 6.150.573          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.568.133   |                                     |
| 47  | LE TUAN DUC            | 101003681184 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 7.977.026   |                                     |
| 48  | NGO HOANG NGOC THANH   | 104006855969 | 3,00                  |                 | -                   |                  |                  | 0,30                 |                         | -                           |                  | -               | 7.722.000                   | 21             | 7.722.000                              | 888.030                | 6.833.970          | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.824.000                                   | 3.824.000                     | -                      | 10.657.970  |                                     |
| 49  | TRAN TAN PHUONG        | 101870052016 | 2,67                  |                 | -                   |                  |                  | 0,30                 |                         | -                           |                  | -               | 6.949.800                   | 21             | 6.949.800                              | 799.227                | 6.150.573          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.568.133   |                                     |
| 50  | NGUYEN THI BICH THAO   | 109006925421 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                              | 629.694                |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                     |



| STT                                          | HỌ TÊN                  | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCD | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                  |
|----------------------------------------------|-------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|----------------------------------|
|                                              |                         |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung            |
| A                                            | B                       | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                |
| TỔNG THU VIỆN                                |                         |              | 41,97                 |                 | -                   | 0,50             | 2,00             | -                    | -                       | -                           |                  | 1,96            | 108.634,500                 |                | 108.634,500                             | 11.966,877             | 96.667,623         |                             | 6,93                | 30,10                 | 2,00             | -                  | 3.900.000            | 49.944,200                                  | 49.944,200                    | -                      | 146.611,823 |                                  |
| XIX TRẠM Y TẾ                                |                         |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                  |
| 1                                            | NGUYEN THI BICH VAN     | 101004412097 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 8.260,200                   | 21             | 8.260,200                               | 949,923                | 7.310,277          | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.490,440                                   | 4.490,440                     | -                      | 11.800,717  |                                  |
| 2                                            | HO THI THUAN            | 107006354503 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.488,000                   | 21             | 7.488,000                               | 861,120                | 6.626,880          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704,000                                   | 3.704,000                     | -                      | 10.330,880  |                                  |
| TỔNG VC                                      |                         |              | 6,33                  |                 | -                   | -                | 0,40             | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 15.748,200                  |                | 15.748,200                              | 1.811,043              | 13.937,157         |                             | 1,27                | 4,00                  | -                | 500,000            | 600,000              | 8.194,440                                   | 8.194,440                     | -                      | 22.131,597  |                                  |
| TỔNG TRẠM Y TẾ                               |                         |              | 6,33                  |                 | -                   | -                | 0,40             | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 15.748,200                  |                | 15.748,200                              | 1.811,043              | 13.937,157         |                             | 1,27                | 4,00                  | -                | 500,000            | 600,000              | 8.194,440                                   | 8.194,440                     | -                      | 22.131,597  |                                  |
| XX TRUNG TÂM GIÁO DỤC Y HỌC                  |                         |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                  |
| 1                                            | DAO THI THANH BINH      | 104866834484 | 6,10                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,53            | 17.842,500                  | 21             | 17.842,500                              | 1.641,510              | 16.200,990         |                             | -                   | 4,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 5.140,000                                   | 5.140,000                     | -                      | 21.340,990  |                                  |
| TỔNG VC                                      |                         |              | 6,10                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | 25,00            | 1,53            | 17.842,500                  |                | 17.842,500                              | 1.641,510              | 16.200,990         |                             | -                   | 4,50                  | 1,50             | -                  | 300,000              | 5.140,000                                   | 5.140,000                     | -                      | 21.340,990  |                                  |
| 2                                            | CHE HOANG THAI          | 104001437139 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020,000                   | 21             | 7.020,000                               | 807,300                | 6.212,700          | 20                          | 0,60                | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.904,000                                   | 3.904,000                     | -                      | 10.116,700  |                                  |
| 3                                            | TO HA MINH TRIEU        | 108872895165 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475,600                   | 21             | 5.475,600                               | 629,694                | 4.845,906          | 20                          | 0,47                | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.331,120                                   | 3.331,120                     | -                      | 8.177,026   |                                  |
| 4                                            | HOANG CHI MAI           | 105882031588 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475,600                   | 21             | 5.475,600                               | 629,694                | 4.845,906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  |                    | 300,000              | 3.131,120                                   | 3.131,120                     | -                      | 7.977,026   |                                  |
| 5                                            | TRAN MINH ANH           | 107872878349 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475,600                   | 21             | 5.475,600                               | 629,694                | 4.845,906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131,120                                   | 3.131,120                     | -                      | 7.977,026   |                                  |
| TỔNG HDLD                                    |                         |              | 10,02                 |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 23.446,800                  |                | 23.446,800                              | 2.696,382              | 20.750,418         |                             | 2,00                | 9,00                  | -                | -                  | 1.200,000            | 13.497,360                                  | 13.497,360                    | -                      | 34.247,778  |                                  |
| TỔNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC Y HỌC                |                         |              | 16,12                 |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           |                  | 1,53            | 41.289,300                  |                | 41.289,300                              | 4.337,892              | 36.951,408         |                             | 2,00                | 13,50                 | 1,50             | -                  | 1.500,000            | 18.637,360                                  | 18.637,360                    | -                      | 55.588,768  |                                  |
| XXI TẬP CHÍ Y DƯỢC HỌC PNT                   |                         |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                  |
| 1                                            | PHAM THI MY LE          | 105003972615 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 8.564,400                   | 21             | 8.564,400                               | 984,906                | 7.579,494          | 20                          | 0,73                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.396,880                                   | 4.396,880                     | -                      | 11.976,374  |                                  |
| TỔNG VC                                      |                         |              | 3,66                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 8.564,400                   |                | 8.564,400                               | 984,906                | 7.579,494          |                             | 0,73                | 2,30                  | -                | -                  | 300,000              | 4.396,880                                   | 4.396,880                     | -                      | 11.976,374  |                                  |
| 2                                            | BUI THI THAO VY         | 102872881285 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475,600                   | 21             | 5.475,600                               | 629,694                | 4.845,906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300,000              | 3.131,120                                   | 3.131,120                     | -                      | 7.977,026   |                                  |
| TỔNG HDLD                                    |                         |              | 2,34                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 5.475,600                   |                | 5.475,600                               | 629,694                | 4.845,906          |                             | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300,000              | 3.131,120                                   | 3.131,120                     | -                      | 7.977,026   |                                  |
| TỔNG TẬP CHÍ Y DƯỢC HỌC PNT                  |                         |              | 6,00                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 14.040,000                  |                | 14.040,000                              | 1.614,600              | 12.425,400         |                             | 1,20                | 4,30                  | -                | -                  | 600,000              | 7.528,000                                   | 7.528,000                     | -                      | 19.953,400  |                                  |
| XXII TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TRỊ LIỆU KỸ THUẬT CAO |                         |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                  |
| 1                                            | VU THI YEN              | 106866710677 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020,000                   | 21             | 7.020,000                               | 807,300                | 6.212,700          | 20                          | 0,60                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.104,000                                   | 4.104,000                     | -                      | 10.316,700  |                                  |
| 2                                            | DOAN KIM THANH          | 109004493018 | 4,98                  |                 | -                   | 0,40             | -                |                      | 25                      | 1,35                        | 25               | 1,35            | 18.883,800                  | 21             | 18.883,800                              | 1.809,698              | 17.074,102         |                             | -                   | 4,50                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 4.952,000                                   | 4.952,000                     | -                      | 22.026,102  |                                  |
| 3                                            | BUI DANG MINH TRI       | 108004935599 | 4,40                  |                 | -                   | 0,40             | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,20            | 14.040,000                  | 21             | 14.040,000                              | 1.291,680              | 12.748,320         |                             | -                   | 4,50                  | -                | -                  | 300.000              | 4.020,000                                   | 4.020,000                     | -                      | 16.768,320  |                                  |
| 4                                            | NGUYEN TRUONG DUC DUONG | 108868455294 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 3.116,880                   | 21             | 3.116,880                               | 896,103                | 2.220,777          | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | 2.220,777   | Học nước ngoài từ 1/9/23-31/7/26 |
| 5                                            | NGUYEN NGOC AI LIEN     | 103872874237 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.943,600                   | 21             | 5.943,600                               | 683,514                | 5.260,086          | 40                          | 0,94                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.226,240                                   | 4.226,240                     | -                      | 9.486,326   |                                  |
| TỔNG VC                                      |                         |              | 18,05                 |                 | -                   | 0,80             | 0,20             | -                    | 25,00                   | 1,35                        | 50,00            | 2,55            | 49.004,280                  |                | 49.004,280                              | 5.488,295              | 43.515,985         |                             | 2,20                | 16,30                 | 1,75             | -                  | 1.500,000            | 17.302,240                                  | 17.302,240                    | -                      | 60.818,225  |                                  |
| 6                                            | HA XUAN HUONG           | 105872449290 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.475,600                   | 21             | 5.475,600                               | 629,694                |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                  |



| STT                                        | HỌ TÊN                   | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    | Số ngày làm việc                | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                          | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                       |
|--------------------------------------------|--------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------|---------------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-----------------------|
|                                            |                          |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi    |                                 |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                                    |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung |
| A                                          | B                        | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>*10 | 12=(2+4+5+6+9+1<br>1)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1<br>7   | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(<br>2+4+5+19+20)*400<br>000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                     |
| 3                                          | CAO THI NGOC BICH        | 108004520614 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 11                      | 0,40                        | 25               | 0,92               | 11.647.584                      | 21             | 11.647.584                              | 1.093.246              | 10.554.338         | -                           | 3,30                | -                     | -                | 300.000            | 3.084.000            | 3.084.000                                          | -                             | 13.638.338             |             |                       |
| 4                                          | NGUYEN THI KIEU TRANG    | 103005133182 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,92               | 10.705.500                      | 21             | 10.705.500                              | 984.906                | 9.720.594          | -                           | 2,00                | -                     | -                | 300.000            | 2.564.000            | 2.564.000                                          | -                             | 12.284.594             |             |                       |
| 5                                          | TRINH TRUNG TIEN         | 109004144222 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 17                      | 0,68                        | 25               | 1,00               | 13.257.972                      | 21             | 13.257.972                              | 1.256.240              | 12.001.732         | -                           | 4,00                | 1,50                  | -                | 300.000            | 4.096.000            | 4.096.000                                          | -                             | 16.097.732             |             |                       |
| 6                                          | NGUYEN HUU NHAN          | 103003983414 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,92               | 10.705.500                      | 21             | 10.705.500                              | 984.906                | 9.720.594          | -                           | 2,00                | -                     | -                | 300.000            | 2.564.000            | 2.564.000                                          | -                             | 12.284.594             |             |                       |
| 7                                          | TRAN TU TRINH            | 100001815299 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 8                       | 0,24                        | 25               | 0,75               | 9.336.600                       | 21             | 9.336.600                               | 871.884                | 8.464.716          | -                           | 2,30                | -                     | -                | 300.000            | 2.420.000            | 2.420.000                                          | -                             | 10.884.716             |             |                       |
| 8                                          | NGUYEN MINH LUAN         | 109005678570 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 12                      | 0,44                        | 25               | 0,92               | 11.733.228                      | 21             | 11.733.228                              | 1.103.095              | 10.630.133         | -                           | 3,30                | 1,50                  | -                | 300.000            | 3.684.000            | 3.684.000                                          | -                             | 14.314.133             |             |                       |
| 9                                          | LU Y THANH               | 109001539621 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,67               | 7.809.750                       | 21             | 7.809.750                               | 718.497                | 7.091.253          | -                           | 3,30                | -                     | -                | 300.000            | 2.688.000            | 2.688.000                                          | -                             | 9.779.253              |             |                       |
| TỔNG VC                                    |                          |              | 34,70                 |                 | 0,35                | 0,90             | -                | -                    | 92,00                   | 4,32                        | 225,00           | 8,99               | 115.247.073                     |                | 115.247.073                             | 10.834.972             | 104.412.101        | -                           | 29,70               | 4,50                  | -                | 2.700.000          | 30.759.440           | 30.759.440                                         | -                             | 135.171.541            |             |                       |
| 10                                         | CHAU THI KIEU CHINH      | 100868894932 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.247.800                       | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,50                  | -                | 300.000            | 3.617.560            | 3.617.560                                          | -                             | 9.146.863              |             |                       |
| 11                                         | NGUYEN THAI CUONG        | 102868894982 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.247.800                       | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | 300.000            | 3.417.560            | 3.417.560                                          | -                             | 8.946.863              |             |                       |
| 12                                         | NGUYEN THI THU THUY      | 106867403412 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | -                               | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,53                | 2,50                  | -                | 300.000            | 2.068.000            | 2.068.000                                          | -                             | 2.068.000              |             |                       |
| 13                                         | NGUYEN THI MY LINH       | 102872768695 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,67               | 7.809.750                       | 21             | 7.809.750                               | 718.497                | 7.091.253          | -                           | 2,30                | -                     | -                | 300.000            | 2.288.000            | 2.288.000                                          | -                             | 9.379.253              |             |                       |
| 14                                         | NGUYEN ANH DUY           | 102872891862 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 300.000            | 3.131.120            | 3.131.120                                          | -                             | 7.977.026              |             |                       |
| 15                                         | CAO TAN TAI              | 101001302110 | 2,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.224.400                       | 21             | 6.224.400                               | 715.806                | 5.508.594          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | 300.000            | 3.408.880            | 3.408.880                                          | -                             | 8.917.474              |             |                       |
| 16                                         | NGUYEN THI LAN ANH       | 106881447049 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 6.247.800                       | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,30                  |                  | 300.000            | 3.537.560            | 3.537.560                                          | -                             | 9.066.863              |             |                       |
| 17                                         | NGUYEN NHU QUYNH         | 104875305205 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  | 300.000            | 3.131.120            | 3.131.120                                          | -                             | 7.977.026              |             |                       |
| 18                                         | MAI TRAN THAI PHAP       | 102881349454 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  | 300.000            | 3.131.120            | 3.131.120                                          | -                             | 7.977.026              |             |                       |
| 19                                         | PHAM NGUYEN TUONG VAN    | 100880448933 | 2,34                  |                 |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  | 300.000            | 3.131.120            | 3.131.120                                          | -                             | 7.977.026              |             |                       |
| TỔNG HDLD                                  |                          |              | 25,37                 |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | 25,00            | 0,67               | 54.679.950                      |                | 54.679.950                              | 6.108.570              | 48.571.380         |                             | 4,54                | 21,60                 | -                | 3.000.000          | 30.862.040           | 30.862.040                                         | -                             | 79.433.420             |             |                       |
| 20                                         | TRAN THAI THIEN THU      | 105867627581 | 1,18                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 2.761.200                       | 21             | 2.761.200                               | 317.538                | 2.443.662          | 20                          | 0,24                | 2,00                  | -                | 300.000            | 2.124.240            | 2.124.240                                          | -                             | 4.567.902              |             |                       |
| TỔNG HD III                                |                          |              | 1,18                  | -               | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -                  | 2.761.200                       |                | 2.761.200                               | 317.538                | 2.443.662          |                             | 0,24                | 2,00                  | -                | 300.000            | 2.124.240            | 2.124.240                                          | -                             | 4.567.902              |             |                       |
| TỔNG TRUNG TÂM KỸ NĂNG SÁNG TẠO MÔ PHÒNG 1 |                          |              | 61,25                 | -               | 0,35                | 0,90             | -                | -                    |                         | 4,32                        |                  | 9,65               | 172.688.223                     |                | 172.688.223                             | 17.261.080             | 155.427.143        |                             | 4,78                | 53,30                 | 4,50             | -                  | 6.000.000            | 63.745.720                                         | 63.745.720                    | -                      | 219.172.863 |                       |
| XXV TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NHÂN LỰC Y TẾ        |                          |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    |                                 |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                                    |                               |                        |             |                       |
| 1                                          | HUYNH NGUYEN KHANH TRANG | 105000823632 | 7,28                  |                 | -                   | 0,50             | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 1,95               | 23.692.500                      | 21             | 23.692.500                              | 2.201.238              | 21.491.262         | 0                           | -                   | 5,50                  | 2,25             | -                  | 300.000              | 6.512.000                                          | 6.512.000                     | -                      | 28.003.262  |                       |
| 2                                          | HUYNH PHAN THANH PHUONG  | 101004822960 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 9.336.600                       | 21             | 9.336.600                               | 1.073.709              | 8.262.891          | 20                          | 0,80                | 2,30                  | -                | 300.000            | 4.683.320            | 4.683.320                                          | -                             | 12.946.211             |             |                       |
| 3                                          | NGUYEN NGOC HA           | 108005474517 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 5.475.600                       | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,80                  | -                | 300.000            | 3.451.120            | 3.451.120                                          | -                             | 8.297.026              |             |                       |
| TỔNG VC                                    |                          |              | 13,61                 |                 | -                   | 0,50             | 0,40             | -                    | -                       | -                           | 25,00            | 1,95               | 38.504.700                      |                | 38.504.700                              | 3.904.641              | 34.600.059         |                             | 1,27                | 10,60                 | 2,2              |                    |                      |                                                    |                               |                        |             |                       |



| STT | HỌ TÊN                | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             | Số ngày làm việc | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung            |                     |                       |                  |                    |                      |                                             | Thu nhập bổ sung theo NLV | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú                                                       |
|-----|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|
|     |                       |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi | Tổng lương 1 tháng          |                  |                |                                         |                        | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán | Tổng thu nhập bổ sung                       |                           |                               |                        |                                                               |
| A   | B                     | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)* 8                | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13               | 14=21/NLV*13   | 15                                      | 16=14-15               | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13              | 25                            | 26=14+24+25            | C                                                             |
| 11  | HO THUY DIEM          | 104005392918 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 8.260.200                   | 21               | 8.260.200      | 949.923                                 | 7.310.277              | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.490.440                                   | 4.490.440                 | -                             | 11.800.717             |                                                               |
| 12  | TRAN NGOC THANH       | 102004786565 | 3,99                  |                 | -                   | 0,40             | 0,30             |                      | 14                      | 0,61                        | 25               | 1,10            | 14.980.914                  | 21               | 14.980.914     | 1.427.468                               | 13.553.446             |                             | -                   | 4,30                  | 1,75             | 500.000            | 300.000              | 4.976.000                                   | 4.976.000                 | -                             | 18.529.446             |                                                               |
| 13  | TRAN LE MAI THAO      | 103004759661 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 14                      | 0,56                        | 25               | 1,00            | 13.679.874                  | 21               | 13.679.874     | 1.304.758                               | 12.375.116             |                             | -                   | 2,50                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.396.000                                   | 3.396.000                 | -                             | 15.771.116             |                                                               |
| 14  | DO MINH TRI           | 104004443664 | 4,32                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 19                      | 0,82                        | 25               | 1,08            | 15.258.672                  | 21               | 15.258.672     | 1.464.119                               | 13.794.553             |                             | -                   | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.448.000                                   | 3.448.000                 | -                             | 17.242.553             |                                                               |
| 15  | VO VAN TINH           | 108004806530 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 15                      | 0,50                        | 25               | 0,83            | 11.611.080                  | 21               | 11.611.080     | 1.111.248                               | 10.499.832             |                             | -                   | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.052.000                                   | 3.052.000                 | -                             | 13.551.832             |                                                               |
| 16  | VO TAN KHANG          | 101004567185 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 11                      | 0,37                        | 25               | 0,83            | 11.299.392                  | 21               | 11.299.392     | 1.075.404                               | 10.223.988             |                             | -                   | 3,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.452.000                                   | 3.452.000                 | -                             | 13.675.988             |                                                               |
| 17  | NGUYEN DUY THACH      | 105004443663 | 5,08                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 21                      | 1,07                        | 25               | 1,27            | 18.057.312                  | 21               | 18.057.312     | 1.734.834                               | 16.322.478             |                             | -                   | 3,50                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.232.000                                   | 4.232.000                 | -                             | 20.554.478             |                                                               |
| 18  | PHAN NGOC TIEN        | 102004139343 | 6,78                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 37                      | 2,51                        | 25               | 1,70            | 26.403.624                  | 21               | 26.403.624     | 2.580.292                               | 23.823.332             |                             | -                   | 2,50                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.512.000                                   | 4.512.000                 | 140.407                       | 28.475.739             | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T8/2024 tăng từ 36% lên 37% |
| 19  | TRAN KHIEM HUNG       | 102004443342 | 6,10                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 32                      | 1,95                        | 25               | 1,53            | 23.112.180                  | 21               | 23.112.180     | 2.247.523                               | 20.864.657             |                             | -                   | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.160.000                                   | 4.160.000                 | -                             | 25.024.657             |                                                               |
| 20  | PHAM VIET HUNG        | 106004443335 | 4,06                  | 14              | 0,568               |                  | 0,30             |                      | 29                      | 1,34                        | 0                | -               | 14.673.288                  | 21               | 14.673.288     | 1.687.428                               | 12.985.860             | 20                          | 0,93                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 5.617.451                                   | 5.617.451                 | -                             | 18.603.311             |                                                               |
| 21  | HOANG THI PHUONG DUNG | 106004443022 | 4,32                  |                 | -                   | 0,30             | 0,30             |                      | 17                      | 0,79                        | 25               | 1,16            | 16.053.336                  | 21               | 16.053.336     | 1.535.323                               | 14.518.013             |                             | -                   | 3,80                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.168.000                                   | 4.168.000                 | -                             | 18.686.013             |                                                               |
| 22  | PHAM CUC HOA          | 109004768700 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 14                      | 0,56                        | 25               | 1,00            | 13.679.874                  | 21               | 13.679.874     | 1.304.758                               | 12.375.116             |                             | -                   | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.316.000                                   | 3.316.000                 | -                             | 15.691.116             |                                                               |
| 23  | PHAM HIEN ANH THU     | 106005100049 | 3,66                  |                 | -                   | 0,30             | 0,30             |                      | 13                      | 0,51                        | 25               | 0,99            | 13.489.632                  | 21               | 13.489.632     | 1.284.899                               | 12.204.733             |                             | -                   | 3,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                 | -                             | 15.908.733             |                                                               |
| 24  | PHAM MINH TUAN        | 100004443016 | 4,65                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 20                      | 0,93                        | 25               | 1,16            | 16.479.450                  | 21               | 16.479.450     | 1.582.308                               | 14.897.142             |                             | -                   | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.580.000                                   | 3.580.000                 | -                             | 18.477.142             |                                                               |
| 25  | TRAN THI THANH VY     | 103004443707 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 16                      | 0,64                        | 25               | 1,00            | 13.866.606                  | 21               | 13.866.606     | 1.326.232                               | 12.540.374             |                             | -                   | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.316.000                                   | 3.316.000                 | -                             | 15.856.374             |                                                               |
| 26  | PHAM NGOC HIEN ANH    | 104006464378 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 11                      | 0,37                        | 25               | 0,83            | 11.299.392                  | 21               | 11.299.392     | 1.075.404                               | 10.223.988             |                             | -                   | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 2.932.000                                   | 2.932.000                 | -                             | 13.155.988             |                                                               |
| 27  | PHAN HOANG NHUNG      | 108005107498 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 14                      | 0,56                        | 25               | 1,00            | 13.679.874                  | 21               | 13.679.874     | 1.304.758                               | 12.375.116             |                             | -                   | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.196.000                                   | 3.196.000                 | -                             | 15.571.116             |                                                               |
| 28  | TRAN THI THU PHUONG   | 107004443398 | 3,26                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 14                      | 0,46                        |                  | -               | 9.398.376                   | 21               | 9.398.376      | 1.080.813                               | 8.317.563              | 20                          | 0,65                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.429.680                                   | 4.429.680                 | -                             | 12.747.243             |                                                               |
| 29  | NGUYEN THI THU LOAN   | 106004443717 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.183.800                   | 21               | 7.183.800      | 826.137                                 | 6.357.663              | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                 | -                             | 9.775.223              |                                                               |
| 30  | TAN LOC               | 105004443705 | 3,62                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 9.406.800                   | 21               | 9.406.800      | 1.081.782                               | 8.325.018              | 20                          | 0,72                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.242.160                                   | 4.242.160                 | -                             | 12.567.178             |                                                               |
| 31  | DANG VAN VO           | 102003865966 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 15                      | 0,60                        | 25               | 1,00            | 14.007.240                  | 21               | 14.007.240     | 1.342.405                               | 12.664.835             |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.816.000                                   | 2.816.000                 | -                             | 15.480.835             |                                                               |
| 32  | HA THANH DAT          | 100001221722 | 3,00                  |                 | -                   | 0,50             | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,88            | 11.173.500                  | 21               | 11.173.500     | 1.049.490                               | 10.124.010             |                             | -                   | 4,80                  | 2,25             | -                  | 400.000              | 4.620.000                                   | 4.620.000                 | -                             | 14.744.010             |                                                               |
| 33  | NGUYEN DUY PHUONG     | 103006259818 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,83            | 10.676.250                  | 21               | 10.676.250     | 1.003.743                               | 9.672.507              |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.9.                                        |                           |                               |                        |                                                               |



| STT     | HỌ TÊN                  | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú                                                     |                                                    |
|---------|-------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
|         |                         |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |                                                             | Tổng thu nhập bổ sung                              |
| A       | B                       | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25                                                 | C                                                  |
| 69      | NGUYEN THU HA           | 104867127658 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,83            | 10.208.250                  | 21             | 10.208.250                              | 949.923                | 9.258.327          | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 3.052.000            | 3.052.000                                   | -                             | 12.310.327             |                                                             |                                                    |
| 70      | TRAN DUY                | 102004443408 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 17                      | 0,68                        | 25               | 1,00            | 13.725.972                  | 21             | 13.725.972                              | 1.310.060              | 12.415.912         | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 3.316.000            | 3.316.000                                   | -                             | 15.731.912             |                                                             |                                                    |
| 71      | LE QUANG TUYEN          | 108004442837 | 4,98                  | 6               | 0,299               | 0,50             | 0,40             |                      | 26                      | 1,50                        | 25               | 1,44            | 21.354.812                  | 21             | 21.354.812                              | 2.067.035              | 19.287.777         | -                           | 4,50                | 1,75                  | 500.000          | 300.000            | 5.611.520            | 5.611.520                                   | -                             | 24.899.297             |                                                             |                                                    |
| 72      | PHAM NGOC KHOI          | 106001453436 | 3,99                  |                 | -                   | 0,40             | -                |                      | 9                       | 0,40                        | 25               | 1,10            | 13.765.284                  | 21             | 13.765.284                              | 1.287.670              | 12.477.614         | -                           | 4,00                | 1,50                  | 500.000          | 300.000            | 4.756.000            | 4.756.000                                   | 90.913                        | 17.324.527             | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T8/2024 tăng từ 8% lên 9% |                                                    |
| 73      | PHAN TAN AN             | 104004443036 | 4,98                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 11.653.200                  | 21             | 11.653.200                              | 1.340.118              | 10.313.082         | 20                          | 1,00                | 2,80                  |                  | 500.000            | 300.000              | 6.242.640                                   | 6.242.640                     | -                      | 16.555.722                                                  |                                                    |
| 74      | NGUYEN TUAN KIET        | 103878154279 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,00            | 11.670.750                  | 21             | 11.670.750                              | 1.073.709              | 10.597.041         | -                           | 4,30                | 1,50                  | -                | 300.000            | 4.216.000            | 4.216.000                                   | -                             | 14.813.041             |                                                             |                                                    |
| 75      | HUA MINH TRI            | 108869317462 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 8.511.750                   | 21             | 8.511.750                               | 799.227                | 7.712.523          | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 2.788.000            | 2.788.000                                   | -                             | 10.500.523             |                                                             |                                                    |
| 76      | NGUYEN PHAN HOANG DANG  | 101867743238 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 8.511.750                   | 21             | 8.511.750                               | 799.227                | 7.712.523          | -                           | 3,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 3.188.000            | 3.188.000                                   | -                             | 10.900.523             |                                                             |                                                    |
| 77      | DANG HUYNH MINH DUC     | 100005490959 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 8.511.750                   | 21             | 8.511.750                               | 799.227                | 7.712.523          | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 2.788.000            | 2.788.000                                   | -                             | 10.500.523             |                                                             |                                                    |
| 78      | HOANG THI HANG          | 108004918404 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,00            | 11.670.750                  | 21             | 11.670.750                              | 1.073.709              | 10.597.041         | -                           | 2,30                | -                     | -                | 300.000            | 2.816.000            | 2.816.000                                   | -                             | 13.413.041             |                                                             |                                                    |
| 79      | DUONG THI KIM YEN       | 103875687613 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 8.277.750                   | 21             | 8.277.750                               | 772.317                | 7.505.433          | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 2.788.000            | 2.788.000                                   | -                             | 10.293.433             |                                                             |                                                    |
| 80      | MAI THAI CHAU           | 100868302079 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 8.775.000                   | 21             | 8.775.000                               | 807.300                | 7.967.700          | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 2.920.000            | 2.920.000                                   | -                             | 10.887.700             |                                                             |                                                    |
| 81      | DO DUY ANH              | 101001539737 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 2.808.000                   | 21             | 2.808.000                               | 807.300                | 2.000.700          | -                           | 2,30                | -                     | -                | 300.000            | -                    | -                                           | -                             | 2.000.700              | Học nước ngoài từ 20/9/2020-30/9/2024                       |                                                    |
| 82      | TRAN HOANG PHUC         | 103870112600 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 8.511.750                   | 21             | 8.511.750                               | 799.227                | 7.712.523          | -                           | 2,30                | -                     | 500.000          | 300.000            | 2.788.000            | 2.788.000                                   | -                             | 10.500.523             |                                                             |                                                    |
| 83      | NGO NGUYEN Y THO        | 102866687998 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 9.243.000                   | 21             | 9.243.000                               | 861.120                | 8.381.880          | -                           | 2,00                | -                     | 500.000          | 300.000            | 2.800.000            | 2.800.000                                   | -                             | 11.181.880             |                                                             |                                                    |
| TỔNG VC |                         |              |                       | 327,09          |                     | 0,87             | 6,10             | 16,60                | -                       | 967,00                      | 45,79            | #####           | 76,40                       |                | 1.052.345.792                           | 102.549.898            | 949.795.894        |                             | 8,03                | 236,80                | 19,25            | 30.500.000         | 25.000.000           | 292.012.531                                 | 292.012.531                   | 10.508.169             | 1.252.316.594                                               |                                                    |
| 84      | HO THE GIAO             | 103872936518 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.917.560                                   | 3.917.560                     | -                      | 9.446.863                                                   |                                                    |
| 85      | HUYNH NGUYEN THINH PHAT | 109871005570 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.949.800                   | 21             | 6.949.800                               | 799.227                | 6.150.573          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.037.560                                   | 4.037.560                     | -                      | 10.188.133                                                  |                                                    |
| 86      | LE DUONG HOANG HUY      | 103005219222 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           |                  | -               | 2.499.120                   | 21             | 2.499.120                               | 799.227                | 1.699.893          | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | -                                           | -                             | (8.186.240)            | (6.486.347)                                                 | - Truy thu lương + PC T8/2024 do đi học nước ngoài |
| 87      | NGUYEN HUNG THINH       | 105869335504 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.917.560                                   | 3.917.560                     | -                      | 9.861.043                                                   |                                                    |
| 88      | NGUYEN UOC NGUYEN       | 105869606039 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.949.800                   | 21             | 6.949.800                               | 799.227                | 6.150.573          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.037.560                                   | 4.037.560                     | -                      | 10.188.133                                                  |                                                    |
| 89      | NGUYEN THI PHUONG LINH  | 107867404707 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.488.000                   | 21             | 7.488.000                               | 861.120                | 6.626.880          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 4.204.000                                   | 4.204.000                     | -                      | 10.830.880                                                  |                                                    |
| 90      | PHAN TAN TIEN           | 108006327254 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.177.600                   | 21             | 6.177.600                               | 710.424                | 5.467.176          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.631.120                                   | 3.631.120                     | -                      | 9.098.296                                                   |                                                    |
| 91      | LY BAO NGOC             | 107006902594 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 2.499.120                   | 21             | 2.499.120                               | 718.497                | 1.780.623          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | 1.780.623                                                   | Học nước ngoài từ 2/3/2023-2/3/2028                |



| STT | HỌ TÊN                  | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                   | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                                                                           |
|-----|-------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                         |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi   |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung                                                                     |
| A   | B                       | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>10 | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1<br>7   | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                                                                         |
| 5   | NGO THANH TRUC          | 100004443137 | 4,32                  |                 | -                   | 0,50             | 0,20             |                      | 21                      | 1,01                        | 25               | 1,21              | 16.935.048                  | 21             | 16.935.048                              | 1.623.265              | 15.311.783         |                             | -                   |                       | 4,50             | -                  | 300.000              | 4.028.000                                   | 4.028.000                     | 257.391                | 19.597.174  | - Truy lãnh vị trí công tác TS từ 25/5-31/8/24                                            |
| 6   | DANG TRAN NGOC THANH    | 103004508370 | 4,65                  |                 | -                   | 0,60             | -                |                      | 19                      | 1,00                        | 25               | 1,31              | 17.690.400                  | 21             | 17.690.400                              | 1.681.202              | 16.009.198         |                             | -                   | 5,00                  | 2,25             | -                  | 300.000              | 5.300.000                                   | 5.300.000                     | -                      | 21.309.198  |                                                                                           |
| 7   | NGUYEN THI MINH PHUONG  | 108004443154 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 18                      | 0,78                        | 25               | 1,08              | 14.455.584                  | 21             | 14.455.584                              | 1.371.764              | 13.083.820         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.348.000                                   | 3.348.000                     | -                      | 16.431.820  |                                                                                           |
| 8   | DANG THI THANH TUYEN    | 106004443131 | 4,32                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 21                      | 0,91                        | 25               | 1,08              | 15.226.848                  | 21             | 15.226.848                              | 1.460.460              | 13.766.388         |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.948.000                                   | 3.948.000                     | -                      | 17.714.388  |                                                                                           |
| 9   | NGUYEN BACH THAO NGUYEN | 103004443614 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 21                      | 0,91                        | 25               | 1,08              | 14.758.848                  | 21             | 14.758.848                              | 1.406.640              | 13.352.208         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.948.000                                   | 2.948.000                     | -                      | 16.300.208  |                                                                                           |
| 10  | NGUYEN THI THANH TINH   | 109004443401 | 4,32                  |                 | -                   | 0,30             | 0,20             |                      | 18                      | 0,83                        | 25               | 1,16              | 15.927.444                  | 21             | 15.927.444                              | 1.520.846              | 14.406.598         |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 4.068.000                                   | 4.068.000                     | -                      | 18.474.598  |                                                                                           |
| 11  | NGUYEN THI KIM PHUONG   | 102004443041 | 4,98                  | 12              | 0,598               | 0,40             | -                |                      | 32                      | 1,91                        | 25               | 1,49              | 21.960.507                  | 21             | 21.960.507                              | 2.123.315              | 19.837.192         |                             | -                   | 3,80                  | -                | -                  | 300.000              | 4.211.040                                   | 4.211.040                     | -                      | 24.048.232  |                                                                                           |
| 12  | NGUYEN THI THANH THUY   | 104004443352 | 4,98                  | 5%              | 0,249               |                  | -                |                      | 26                      | 1,36                        | 25               | 1,31              | 18.476.149                  | 21             | 18.476.149                              | 1.772.976              | 16.703.173         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.311.600                                   | 3.311.600                     | -                      | 20.014.773  |                                                                                           |
| 13  | NGUYEN LE PHUONG THAO   | 103004443147 | 4,32                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 19                      | 0,82                        | 25               | 1,08              | 15.024.672                  | 21             | 15.024.672                              | 1.437.209              | 13.587.463         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.948.000                                   | 2.948.000                     | -                      | 16.535.463  |                                                                                           |
| 14  | DO THI HA               | 107004555137 | 3,99                  |                 | -                   | 0,40             | 0,20             |                      | 15                      | 0,66                        | 25               | 1,10              | 14.849.640                  | 21             | 14.849.640                              | 1.412.371              | 13.437.269         |                             | -                   | 4,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.656.000                                   | 3.656.000                     | -                      | 17.093.269  |                                                                                           |
| 15  | LAM THI THU TAM         | 100004443043 | 4,98                  | 12              | 0,598               | 0,50             | 0,20             |                      | 32                      | 1,94                        | 25               | 1,52              | 22.795.887                  | 21             | 22.795.887                              | 2.212.656              | 20.583.231         |                             | -                   | 4,50                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 5.231.040                                   | 5.231.040                     | 257.391                | 26.071.662  | - Truy lãnh vị trí công tác TS từ 25/5-31/8/24                                            |
| 16  | VO THI TAM              | 105004812816 | 3,33                  |                 | -                   | 0,30             | 0,20             |                      | 15                      | 0,54                        | 25               | 0,91              | 12.359.880                  | 21             | 12.359.880                              | 1.177.178              | 11.182.702         |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.672.000                                   | 3.672.000                     | -                      | 14.854.702  |                                                                                           |
| 17  | NGUYEN THI HUYEN TRANG  | 102004809476 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 15                      | 0,50                        | 25               | 0,83              | 11.845.080                  | 21             | 11.845.080                              | 1.138.158              | 10.706.922         |                             | -                   | 3,80                  |                  | -                  | 300.000              | 3.152.000                                   | 3.152.000                     | -                      | 13.858.922  |                                                                                           |
| 18  | NGUYEN THI MY LINH      | 107004812061 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 15                      | 0,55                        | 25               | 0,92              | 12.458.160                  | 21             | 12.458.160                              | 1.186.462              | 11.271.698         |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.684.000                                   | 3.684.000                     | (1.321.956)            | 13.633.742  | - Hưởng PC TNNG 15% từ 01/9/2024<br>- Truy thu lương+ PC 02 ngày nghỉ không lương T8/2024 |
| 19  | TA THI HONG VAN         | 105005129767 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 14                      | 0,51                        | 25               | 0,92              | 12.372.516                  | 21             | 12.372.516                              | 1.176.613              | 11.195.903         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                   | 3.084.000                     | -                      | 14.279.903  |                                                                                           |
| 20  | PHAM DUONG THANH TAM    | 107005136913 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 14                      | 0,51                        | 25               | 0,92              | 12.372.516                  | 21             | 12.372.516                              | 1.176.613              | 11.195.903         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.684.000                                   | 2.684.000                     | -                      | 13.879.903  |                                                                                           |
| 21  | PHAM THI CAM DUYEN      | 108005127524 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 13                      | 0,52                        | 25               | 1,00              | 13.352.508                  | 21             | 13.352.508                              | 1.267.111              | 12.085.397         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.816.000                                   | 2.816.000                     | -                      | 14.901.397  |                                                                                           |
| 22  | NGUYEN NGOC MINH PHUONG | 105005171634 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 13                      | 0,48                        | 25               | 0,92              | 12.286.872                  | 21             | 12.286.872                              | 1.166.764              | 11.120.108         |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.764.000                                   | 2.764.000                     | -                      | 13.884.108  |                                                                                           |
| 23  | PHAM CONG SACH          | 108004252812 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 13                      | 0,48                        | 25               | 0,92              | 12.754.872                  | 21             | 12.754.872                              | 1.220.584              | 11.534.288         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                   | 3.084.000                     | 151.590                | 14.769.878  | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 tăng từ 12% lên 13%                          |
| 24  | VIET THI MINH TRANG     | 106004493011 | 3,99                  |                 | -                   | 0,40             | 0,20             |                      | 15                      | 0,66                        | 25               | 1,10              | 14.849.640                  | 21             | 14.849.640                              | 1.412.371              | 13.437.269         |                             | -                   | 3,80                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 4.176.000                                   | 4.176.000                     | -                      | 17.613.269  |                                                                                           |
| 25  | VO THI THANH TRA        | 100004443274 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 21                      | 0,84                        | 25               | 1,00              | 13.631.436                  | 21             | 13.631.436                              | 1.299.188              | 12.332.248         |                             | -                   | 2,80                  | -                | -                  | 300.000              | 3.016.000                                   | 3.016.000                     | 165.258                | 15.513.506  | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 tăng từ 20% lên 21%                          |
| 26  | NGUYEN HONG THAM        | 107004443647 | 4,32                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 17                      | 0,73                        | 25               | 1,08              | 14.822.496                  | 21             | 14.822.496                              | 1.413.959              | 13.408.537         |                             | -                   | 3,30                  |                  | -                  | 300.000              | 3.348.000                                   | 3.348.000                     | -                      | 16.756.537  |                                                                                           |
| 27  | TRUONG THI HONG THAM    | 108004827043 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 15                      | 0,55                        | 25               | 0,92              | 12.458.160                  | 21             | 12.458.160                              | 1.186.462              | 11.271.698         |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                                                                           |



| STT     | HỌ TÊN                | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCD | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                                                                                                 |
|---------|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                       |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung                                                                                           |
| A       | B                     | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                                                                                               |
| 60      | DANG THE PHONG        | 100868035005 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.531.120                                   | 3.531.120                     | -                      | 9.205.386   |                                                                                                                 |
| 61      | DINH HOANG HAI        | 100868012972 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 9.243.000                   | 21             | 9.243.000                               | 861.120                | 8.381.880          |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.420.000                                   | 3.420.000                     | -                      | 11.801.880  |                                                                                                                 |
| TỔNG VC |                       |              | 232,49                |                 | 2,89                | 6,90             | 10,20            | -                    | 751,00                  | 35,37                       | #####            | 56,40           | 799.569.938                 |                | 799.569.938                             | 77.459.617             | 722.110.321        |                             | 3,34                | 189,30                | 34,00            | -                  | 18.300.000           | 210.117.600                                 | 210.117.600                   | 910,287                | 933.138.208 |                                                                                                                 |
|         | NGUYEN THI THUY DUNG  | 106001539636 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.956.000                   | 21             | 7.956.000                               | 914.940                | 7.041.060          | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.824.000                                   | 3.824.000                     | -                      | 10.865.060  |                                                                                                                 |
| 62      | NGUYEN VAN UT         | 101003884720 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.956.000                   | 21             | 7.956.000                               | 914.940                | 7.041.060          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 10.745.060  |                                                                                                                 |
| 63      | LE NGUYEN NGOC DUY    | 103005587065 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 8.728.200                   | 21             | 8.728.200                               | 1.003.743              | 7.724.457          | 20                          | 0,67                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.110.440                                   | 4.110.440                     | -                      | 11.834.897  |                                                                                                                 |
| 64      | NGUYEN THI HAU        | 105005636212 | 3,06                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.160.400                   | 21             | 7.160.400                               | 823.446                | 6.336.954          | 20                          | 0,61                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.756.080                                   | 3.756.080                     | -                      | 10.093.034  |                                                                                                                 |
| 65      | HUYNH THI MY TUYEN    | 109866755474 | 2,46                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,49                | 2,50                  | 1,25             | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | (8.148.632)            | (8.148.632) | - Truy thu lương + PC từ 5/8-30/8/2024 do nghỉ không hưởng lương. Tạm ngưng lương chờ đơn quay trở lại công tác |
| 66      | TRAN THAI THIEN THANH | 109001935073 | 2,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.224.400                   | 21             | 6.224.400                               | 715.806                | 5.508.594          | 20                          | 0,53                | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.608.880                                   | 3.608.880                     | -                      | 9.117.474   |                                                                                                                 |
| 67      | NGUYEN THI THU THAO   | 106004752159 | 2,86                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.692.400                   | 21             | 6.692.400                               | 769.626                | 5.922.774          | 20                          | 0,57                | 3,00                  | 1,25             | -                  | 300.000              | 4.482.480                                   | 4.482.480                     | -                      | 10.405.254  |                                                                                                                 |
| 68      | NGUYEN THI THUY HONG  | 103866755322 | 2,46                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.756.400                   | 21             | 5.756.400                               | 661.986                | 5.094.414          | 20                          | 0,49                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.235.280                                   | 3.235.280                     | -                      | 8.329.694   |                                                                                                                 |
| 69      | NGUYEN QUAN           | 101871037821 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                     | -                      | 9.481.043   |                                                                                                                 |
| 70      | HO NGOC TRAM          | 104871037894 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 8.946.863   |                                                                                                                 |
| 71      | PHAN THI MY TRINH     | 103870010848 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,80                  | -                | -                  | 300.000              | 3.737.560                                   | 3.737.560                     | -                      | 9.266.863   |                                                                                                                 |
| 72      | NGO THUY KIM SA       | 100878580746 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.805.386   |                                                                                                                 |
| 73      | NGUYEN VAN MAU        | 105878408231 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.805.386   |                                                                                                                 |
| 74      | TIEU QUOC MINH QUAN   | 100878577941 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.805.386   |                                                                                                                 |
| 75      | DAO KIM KHANH         | 103868089871 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.488.000                   | 21             | 7.488.000                               | 861.120                | 6.626.880          | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.824.000                                   | 3.824.000                     | 981.429                | 11.432.309  | - Truy lãnh vị trí công tác Ths từ 25/12/23-31/8/24                                                             |
| 76      | DINH DUC TRIET        | 105875673313 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                     | -                      | 9.481.043   |                                                                                                                 |
| 77      | THAI HUU KHOA         | 104871036665 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.361.043   |                                                                                                                 |
| 78      | TRINH THI NGOC AI     | 104004380551 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,60                | 2,30                  |                  | -                  | 300.000              | 2.120.000                                   | 2.120.000                     | -                      | 2.120.000   | Thái sản từ 22/4-22/10/2024                                                                                     |
| 79      | PHAM THI THANH HAI    | 107868007460 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | 2.329.848              | 2.329.848   | - Tạm ngưng lương chờ giải quyết nghỉ việc từ ngày 09-09-2024                                                   |
| 80      | LUU KINH KHUONG       | 107003972076 | 4,65                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           |                  | -               | 11.349.000                  | 21             | 11.349.000                              | 1.305.135              | 10.043.865         | 20                          | 0,93                | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 5.736.200                                   | 5.736.200                     | -                      | 15.780.065  |                                                                                                                 |
| 81      | NGO VINH DAT          | 109871991727 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 9.916.700   |                                                                                                                 |
| 82      | NGUYEN NGAN GIANG     | 102001866149 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.817.560                                   | 3.817.560                     | -                      | 9.346.863   |                                                                                                                 |
| 83      |                       |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                                                                                                                 |



| STT                    | HỌ TÊN               | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             | Số ngày làm việc | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung            |                     |                       |                  |                    |                      |                                             | Thu nhập bổ sung theo NLV | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú                                                          |
|------------------------|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------|
|                        |                      |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi | Tổng lương 1 tháng          |                  |                |                                         |                        | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán | Tổng thu nhập bổ sung                       |                           |                               |                        |                                                                  |
| A                      | B                    | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13               | 14=21/NLV*13   | 15                                      | 16=14-15               | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13              | 25                            | 26=14+24+25            | C                                                                |
| 9                      | DUONG THI HOAI XUAN  | 104004443160 | 5,08                  |                 | -                   | 0,30             | 0,10             |                      | 22                      | 1,18                        | 25               | 1,35            | 18.740.124                  | 21               | 18.740.124     | 1.793.175                               | 16.946.949             |                             | -                   | 4,30                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 4.872.000                                   | 4.872.000                 | 222.829                       | 22.041.778             | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 tăng từ 21% lên 22% |
| 10                     | DAO HOANG SON        | 107872926373 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       | 25                          | 0,67             | 8.043.750       | 21                          | 8.043.750        | 745.407        | 7.298.343                               |                        | -                           | 3,30                | 1,50                  | -                | 300.000            | 3.288.000            | 3.288.000                                   | -                         | 10.586.343                    |                        |                                                                  |
| TỔNG VC                |                      |              | 34,06                 |                 | -                   | 0,30             | 1,20             | -                    | 50,00                   | 2,16                        | 250,00           | 8,59            | 108.370.548                 |                  | 107.941.548    | 10.151.044                              | 97.790.504             | -                           | -                   | 32,60                 | 7,75             | -                  | 3.000.000            | 32.884.000                                  | 32.755.429                | (1.716.753)                   | 128.829.180            |                                                                  |
| 11                     | DAO THI THU SUONG    | 104878747821 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.949.800                   | 21               | 6.949.800      | 799.227                                 | 6.150.573              | 20                          | 0,53                | 3,30                  |                  | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                 | -                             | 10.088.133             |                                                                  |
| 12                     | LE HOAI PHUC         | 104872828600 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.481.800                   | 21               | 6.481.800      | 745.407                                 | 5.736.393              | 20                          | 0,53                | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 4.537.560                                   | 4.537.560                 | -                             | 10.273.953             |                                                                  |
| 13                     | TRAN THI HOANG YEN   | 106801799989 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.481.800                   | 21               | 6.481.800      | 745.407                                 | 5.736.393              | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                 | -                             | 9.673.953              |                                                                  |
| 14                     | VAN THI NHAN         | 100868844604 | 2,36                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.533.543                   | 21               | 5.533.543      | 636.357                                 | 4.897.186              | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.152.613                                   | 3.152.613                 | -                             | 8.049.799              |                                                                  |
| 15                     | NGUYEN THI XUAN THAO | 105870241736 | 1,68                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       |                             |                  | -               | 4.399.200                   | 21               | 4.399.200      | 505.908                                 | 3.893.292              | 20                          | 0,34                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 2.558.240                                   | 2.558.240                 | -                             | 6.451.532              |                                                                  |
| 16                     | TRAN NGOC THANH THI  | 105600020396 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | 5.475.600                   | 21               | 5.475.600      | 629.694                                 | 4.845.906              | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                 | -                             | 7.977.026              |                                                                  |
| 17                     | BUI MINH CHAU        | 104867338365 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.481.800                   | 21               | 6.481.800      | 745.407                                 | 5.736.393              | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                 | -                             | 9.673.953              |                                                                  |
| 18                     | HONG XUAN TRONG      | 103876117815 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.481.800                   | 21               | 6.481.800      | 745.407                                 | 5.736.393              | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                 | -                             | 9.673.953              |                                                                  |
| 19                     | LE NGUYEN NGOC CHAM  | 106002367016 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.949.800                   | 21               | 6.949.800      | 799.227                                 | 6.150.573              | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                 | -                             | 9.688.133              |                                                                  |
| 20                     | VO TA BINH           | 108878973971 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.481.800                   | 21               | 6.481.800      | 745.407                                 | 5.736.393              | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                 | -                             | 9.673.953              |                                                                  |
| 21                     | NGUYEN QUYNH NGOAN   | 105874782160 | 1,86                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       |                             |                  | -               | -                           | 21               | -              | -                                       | -                      | 20                          | 0,37                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 1.544.000                                   | 1.544.000                 | (5.022.354)                   | (3.478.354)            | -Truy lãnh lương + PC T8/2024 do thai sản                        |
| 22                     | LU NGAN BINH         | 109875899716 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,10             |                      | -                       |                             |                  | -               | 6.481.800                   | 21               | 6.481.800      | 745.407                                 | 5.736.393              | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                 | -                             | 9.673.953              |                                                                  |
| 23                     | LE HUU TAI           | 107004842850 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             |                  | -               | -                           | 21               | -              | -                                       | -                      | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                         | -                             | -                      | Tạm ngưng lương chờ giải quyết nghỉ việc                         |
| TỔNG HDLD              |                      |              | 31,94                 |                 | -                   | -                | 1,60             | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 68.198.743                  |                  | 68.198.743     | 7.842.855                               | 60.355.888             |                             | 6,39                | 35,40                 | 1,50             | -                  | 3.900.000            | 42.086.453                                  | 42.086.453                | (5.022.354)                   | 97.419.987             |                                                                  |
| TỔNG KHOA RĂNG HÀM MẬT |                      |              | 66,00                 |                 | -                   | 0,30             | 2,80             | -                    |                         | 2,16                        |                  | 8,59            | 176.569.291                 |                  | 176.140.291    | 17.993.899                              | 158.146.392            | -                           | 6,39                | 68,00                 | 9,25             | -                  | 6.900.000            | 74.970.453                                  | 74.841.882                | (6.739.107)                   | 226.249.167            |                                                                  |
| XXX KHOA ĐƯỢC          |                      |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |                                                                  |
| 1                      | NGUYEN DANG THOAI    | 104006051535 | 6,20                  |                 | -                   | 0,60             | 0,30             |                      | -                       | 25                          | 1,70             | 20.592.000      | 21                          | 20.592.000       | 1.910.610      | 18.681.390                              |                        | -                           | 5,00                | 2,25                  | -                | 300.000            | 5.920.000            | 5.920.000                                   | -                         | 24.601.390                    |                        |                                                                  |
| 2                      | VO QUANG TRUNG       | 107869030930 | 4,40                  |                 | -                   | 0,50             | 0,30             |                      | 12                      | 0,59                        | 25               | 1,23            | 16.410.420                  | 21               | 16.410.420     | 1.557.551                               | 14.852.869             |                             | -                   | 4,50                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 4.760.000                                   | 4.760.000                 | -                             | 19.612.869             |                                                                  |
| 3                      | NGUYEN THI XUAN THUY | 103006089850 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | 11                      | 0,40                        | 25               | 0,92            | 12.349.584                  | 21               | 12.349.584     | 1.173.976                               | 11.175.608             |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                   | 3.084.000                 | -                             | 14.259.608             |                                                                  |
| 4                      | BUI TUNG HIEP        | 104004386267 | 8,00                  | 5               | 0,400               |                  | 0,30             |                      | 10                      | 0,84                        | 25               | 2,10            | 27.237.600                  | 21               | 27.237.600     | 2.567.214                               | 24.670.386             |                             | -                   | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.860.000                                   | 4.860.000                 | -                             | 29.530.386             |                                                                  |
| 5                      | TRUONG QUOC KY       | 105869035803 | 3,33                  |                 | -                   | 0,30             | 0,30             |                      | -                       | 25                          | 0,91             | 11.319.750      | 21                          | 11.319.750       | 1.057.563      | 10.262.187                              |                        | -                           | 3,50                | -                     | -                | 300.000            | 3.152.000            | 3.152.000                                   | -                         | 13.414.187                    |                        |                                                                  |
| 6                      | VO VAN BAY           | 103875615619 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,30             |                      | -                       | 25                          | 1,00             | 12.372.750      | 21                          | 12.372.750       | 1.154.439      | 11.218.311                              |                        | -                           | 3,00                | -                     | -                | 300.000            | 3.096.000            | 3.096.000                                   | -                         | 14.314.311                    |                        |                                                                  |
| 7                      | NGUYEN HOAI NAM      | 100005109307 | 3,99                  |                 | -                   | 0,30             | 0,30             |                      | 13                      | 0,56                        | 25               | 1,07            | 14.555.2                    |                  |                |                                         |                        |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                           |                               |                        |                                                                  |



| STT | HỌ TÊN                  | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             | Số ngày làm việc | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCD | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung            |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |              | Thu nhập bổ sung theo NLV | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV                                                 | Ghi chú |
|-----|-------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|--------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |                         |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi | Tổng lương 1 tháng          |                  |                |                                         |                        | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán | Tổng thu nhập bổ sung                       |              |                           |                               |                                                                        |         |
| A   | B                       | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13               | 14=21/NLV*13   | 15                                      | 16=14-15               | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13 | 25                        | 26=14+24+25                   | C                                                                      |         |
| 11  | TANG KIM HONG           | 104004443364 | 6,92                  |                 | -                   | 0,60             | -                |                      | 28                      | 2,11                        | 25               | 1,88            | 26.923.104                  | 21               | 26.923.104     | 2.590.249                               | 24.332.855             |                             | -                   | 5,50                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 6.208.000                                   | 6.208.000    | -                         | 30.540.855                    |                                                                        |         |
| 12  | NGUYEN MINH DUYEN       | 108004443621 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,00            | 11.670.750                  | 21               | 11.670.750     | 1.073.709                               | 10.597.041             |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.816.000                                   | 2.816.000    | (2.644.125)               | 10.768.916                    | - Truy thu PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 do ngưng hưởng từ 1/7/2024 |         |
| 13  | CAO NGUYEN HOAI THUONG  | 101004214979 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 7                       | 0,23                        | 25               | 0,83            | 10.285.704                  | 21               | 10.285.704     | 958.830                                 | 9.326.874              |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.552.000                                   | 2.552.000    | -                         | 11.878.874                    |                                                                        |         |
| 14  | NGUYEN LINH PHUONG      | 103869616826 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 8.775.000                   | 21               | 8.775.000      | 807.300                                 | 7.967.700              |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.820.000                                   | 2.820.000    | -                         | 10.787.700                    |                                                                        |         |
| 15  | TRAN VINH TAI           | 103004580637 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 12                      | 0,44                        | 25               | 0,92            | 11.733.228                  | 21               | 11.733.228     | 1.103.095                               | 10.630.133             |                             | -                   | 3,80                  |                  | -                  | 300.000              | 3.284.000                                   | 3.284.000    | -                         | 13.914.133                    |                                                                        |         |
| 16  | TRUONG HOANG TUAN ANH   | 109001333388 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 8.775.000                   | 21               | 8.775.000      | 807.300                                 | 7.967.700              |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.420.000                                   | 3.420.000    | -                         | 11.387.700                    |                                                                        |         |
| 17  | NGO THI THUY DUNG       | 103005668370 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 12                      | 0,44                        | 25               | 0,92            | 11.733.228                  | 21               | 11.733.228     | 1.103.095                               | 10.630.133             |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.764.000                                   | 2.764.000    | -                         | 13.394.133                    |                                                                        |         |
| 18  | NGUYEN THI NGOC TRINH   | 103005099675 | 3,66                  |                 | -                   | 0,30             | -                |                      | 13                      | 0,51                        | 25               | 0,99            | 12.787.632                  | 21               | 12.787.632     | 1.204.169                               | 11.583.463             |                             | -                   | 3,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.884.000                                   | 3.884.000    | -                         | 15.467.463                    |                                                                        |         |
| 19  | DUONG ANH NGOC          | 101004443682 | 4,98                  | 8               | 0,398               |                  | -                |                      | 28                      | 1,51                        | 25               | 1,34            | 19.255.748                  | 21               | 19.255.748     | 1.852.579                               | 17.403.169             |                             | -                   | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.251.360                                   | 3.251.360    | -                         | 20.654.529                    |                                                                        |         |
| 20  | NGUYEN TRONG HIEN       | 108004085057 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 11                      | 0,40                        | 25               | 0,92            | 11.647.584                  | 21               | 11.647.584     | 1.093.246                               | 10.554.338             |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.684.000                                   | 3.684.000    | -                         | 14.238.338                    |                                                                        |         |
| 21  | LAM SON BAO VI          | 101867846679 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 9.243.000                   | 21               | 9.243.000      | 861.120                                 | 8.381.880              |                             | -                   | 3,30                  | -                | 500.000            | 300.000              | 3.320.000                                   | 3.320.000    | -                         | 11.701.880                    |                                                                        |         |
| 22  | NGUYEN VU MINH NGUYET   | 103869319599 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 7.809.750                   | 21               | 7.809.750      | 718.497                                 | 7.091.253              |                             | -                   | 3,00                  |                  | -                  | 300.000              | 2.568.000                                   | 2.568.000    | -                         | 9.659.253                     |                                                                        |         |
| 23  | TRUONG TRONG HOANG      | 106005272762 | 6,44                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 14                      | 0,90                        | 25               | 1,61            | 20.946.744                  | 21               | 20.946.744     | 1.975.625                               | 18.971.119             |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.796.000                                   | 3.796.000    | -                         | 22.767.119                    |                                                                        |         |
| 24  | NGUYEN QUYNH TRUC       | 101006769990 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 7.809.750                   | 21               | 7.809.750      | 718.497                                 | 7.091.253              |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.688.000                                   | 2.688.000    | -                         | 9.779.253                     |                                                                        |         |
| 25  | HUYNH TAN SON           | 104004745429 | 5,76                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 13.478.400                  | 21               | 13.478.400     | 1.550.016                               | 11.928.384             | 20                          | 1,15                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 6.219.680                                   | 6.219.680    | -                         | 18.148.064                    |                                                                        |         |
| 26  | TO HOANG LINH           | 109001437186 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 8.775.000                   | 21               | 8.775.000      | 807.300                                 | 7.967.700              |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.420.000                                   | 2.420.000    | -                         | 10.387.700                    |                                                                        |         |
| 27  | TRAN THI TAM NHAN       | 108004440184 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 12                      | 0,44                        | 25               | 0,92            | 11.733.228                  | 21               | 11.733.228     | 1.103.095                               | 10.630.133             |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.684.000                                   | 2.684.000    | -                         | 13.314.133                    |                                                                        |         |
| 28  | NGUYEN THI HOANG PHUONG | 109003862687 | 4,65                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 21                      | 0,98                        | 25               | 1,16            | 15.886.260                  | 21               | 15.886.260     | 1.514.091                               | 14.372.169             |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.080.000                                   | 3.080.000    | -                         | 17.452.169                    |                                                                        |         |
| 29  | NGUYEN LE QUYNH NHU     | 102001437131 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | -                           | 21               | -              | -                                       | -                      |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.120.000                                   | 2.120.000    | -                         | 2.120.000                     |                                                                        |         |
| 30  | PHAM TRAN THIEN NHAN    | 108869366971 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 7.809.750                   | 21               | 7.809.750      | 718.497                                 | 7.091.253              |                             | -                   | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 2.568.000                                   | 2.568.000    | -                         | 9.659.253                     |                                                                        |         |
| 31  | DUONG ANH THY           | 107869306965 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 7.809.750                   | 21               | 7.809.750      | 718.497                                 | 7.091.253              |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.288.000                                   | 2.288.000    | -                         | 9.379.253                     |                                                                        |         |
| 32  | DO MINH TAM             | 103866673699 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 2.808.000                   | 21               | 2.808.000      | 807.300                                 | 2.000.700              |                             | -                   | 2,30                  |                  | -                  | 300.000              | -                                           | -            | -                         | 2.000.700                     | Học nước ngoài từ 01/09/2023-31/07/2027                                |         |
| 33  | HOANG THI DIEM PHUONG   | 101006183989 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75            | 8.775.000                   | 21               | 8.775.000      | 807.300                                 | 7.967.700              |                             | -                   | 2,80                  |                  | -                  | 300.000              | 2.620.000                                   | 2.620.000    | -                         | 10.587.700                    |                                                                        |         |
| 34  | DUONG CONG THINH        | 105876129961 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67            | 8.277.750                   | 21               | 8.277.750      | 772.317                                 | 7.505.433              |                             | -                   | 2,00                  | -                | 500.000            | 300.000              | 2.668.000                                   | 2.668.000    | -                         | 10.173.433                    |                                                                        |         |
| 35  | NGUYEN THI HUYNH MAI    | 105867744970 | 6,10                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 1,53            | 17.842.500                  | 21               | 17.842.500     | 1.641.510                               | 16.200.990             |                             | -                   | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              |                                             |              |                           |                               |                                                                        |         |



| STT | HỌ TÊN                | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    | Số ngày làm việc                  | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                            | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                                                                                                     |
|-----|-----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------|-----------------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi    |                                   |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                                      |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung                                                                                               |
| A   | B                     | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2++5)*<br>8              | 10               | 11=(2++4+5)*<br>10 | 12=(2++4+5+6++9+1<br>1)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2++4+5)*1<br>7  | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(<br>2++4+5+19+20)*400<br>.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                                                                                                   |
| 34  | DANG NGUYEN KHOI      | 101004443585 | 5,76                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 27                      | 1,56                        | 25               | 1,44               | 20.487.168                        | 21             | 20.487.168                              | 1.968.520              | 18.518.648         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.524.000                                            | 3.524.000                     | -                      | 22.042.648  |                                                                                                                     |
| 35  | BUI VAN KIET          | 101004414811 | 4,98                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 25                      | 1,25                        | 25               | 1,25               | 17.479.800                        | 21             | 17.479.800                              | 1.675.148              | 15.804.652         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.212.000                                            | 3.212.000                     | -                      | 19.016.652  |                                                                                                                     |
| 36  | NGUYEN VAN VIET THANH | 107003972133 | 5,08                  |                 | -                   | 0,30             | -                |                      | 17                      | 0,91                        | 25               | 1,35               | 17.876.664                        | 21             | 17.876.664                              | 1.693.877              | 16.182.787         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.852.000                                            | 3.852.000                     | -                      | 20.034.787  |                                                                                                                     |
| 37  | LE DINH HIEU          | 102004064444 | 4,98                  | 5               | 0,249               |                  | -                |                      | 26                      | 1,36                        | 25               | 1,31               | 18.476.149                        | 21             | 18.476.149                              | 1.772.976              | 16.703.173         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.791.600                                            | 3.791.600                     | -                      | 20.494.773  |                                                                                                                     |
| 38  | PHAM PHU THAI         | 106004443375 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 21                      | 0,91                        | 25               | 1,08               | 14.758.848                        | 21             | 14.758.848                              | 1.406.640              | 13.352.208         |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.948.000                                            | 3.948.000                     | -                      | 17.300.208  |                                                                                                                     |
| 39  | LUC DAN TUAN ANH      | 104003843311 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 14                      | 0,51                        | 25               | 0,92               | 11.904.516                        | 21             | 11.904.516                              | 1.122.793              | 10.781.723         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                            | 3.084.000                     | -                      | 13.865.723  |                                                                                                                     |
| 40  | NGUYEN HAI DANG       | 106004759656 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 14                      | 0,56                        | 25               | 1,00               | 12.977.874                        | 21             | 12.977.874                              | 1.224.028              | 11.753.846         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.296.000                                            | 3.296.000                     | -                      | 15.049.846  |                                                                                                                     |
| 41  | VU NGOC ANH TUAN      | 106004789147 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 14                      | 0,56                        | 25               | 1,00               | 12.977.874                        | 21             | 12.977.874                              | 1.224.028              | 11.753.846         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.296.000                                            | 3.296.000                     | -                      | 15.049.846  |                                                                                                                     |
| 42  | HO DANG DANG KHOA     | 100004567186 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 13                      | 0,48                        | 25               | 0,92               | 11.818.872                        | 21             | 11.818.872                              | 1.112.944              | 10.705.928         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                            | 3.084.000                     | -                      | 13.789.928  |                                                                                                                     |
| 43  | PHAM DINH DUY         | 103003972152 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 18                      | 0,78                        | 25               | 1,08               | 14.455.584                        | 21             | 14.455.584                              | 1.371.764              | 13.083.820         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.428.000                                            | 3.428.000                     | -                      | 16.511.820  |                                                                                                                     |
| 44  | HOANG DINH DUONG      | 109004009708 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 12                      | 0,44                        | 25               | 0,92               | 11.733.228                        | 21             | 11.733.228                              | 1.103.095              | 10.630.133         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.164.000                                            | 3.164.000                     | -                      | 13.794.133  |                                                                                                                     |
| 45  | NGUYEN VAN TRI DUNG   | 100003896012 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 12                      | 0,48                        | 25               | 1,00               | 12.791.142                        | 21             | 12.791.142                              | 1.202.554              | 11.588.588         |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.896.000                                            | 2.896.000                     | 1.260.496              | 15.745.084  | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 tăng từ 11% lên 12%<br>- Truy lãnh vị trí công tác CKII từ 18/3-31/8/2 |
| 46  | NGUYEN TUAN NGOC      | 102004580641 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 11                      | 0,37                        | 25               | 0,83               | 10.597.392                        | 21             | 10.597.392                              | 994.674                | 9.602.718          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.952.000                                            | 2.952.000                     | -                      | 12.554.718  |                                                                                                                     |
| 47  | PHAM VAN NHAN         | 101005979564 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 13                      | 0,52                        | 25               | 1,00               | 12.884.508                        | 21             | 12.884.508                              | 1.213.291              | 11.671.217         |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.896.000                                            | 2.896.000                     | -                      | 14.567.217  |                                                                                                                     |
| 48  | PHAM THANH VIET       | 104007064081 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           | 25               | 0,83               | 9.740.250                         | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844.147          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.952.000                                            | 2.952.000                     | -                      | 11.796.147  |                                                                                                                     |
| 49  | HO TRUNG DUNG         | 103001286097 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           | 25               | 0,83               | 9.740.250                         | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844.147          |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.032.000                                            | 3.032.000                     | -                      | 11.876.147  |                                                                                                                     |
| 50  | NGUYEN XUAN VU        | 101004625913 | 4,32                  |                 | -                   | 0,30             | 0,40             |                      | 15                      | 0,69                        | 25               | 1,16               | 16.071.120                        | 21             | 16.071.120                              | 1.537.368              | 14.533.752         |                             | -                   | 3,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 4.148.000                                            | 4.148.000                     | -                      | 18.681.752  |                                                                                                                     |
| 51  | BUI THI THU HUONG     | 108004508280 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 15                      | 0,60                        | 25               | 1,00               | 14.007.240                        | 21             | 14.007.240                              | 1.342.405              | 12.664.835         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.816.000                                            | 2.816.000                     | -                      | 15.480.835  |                                                                                                                     |
| 52  | TRUONG THI BICH HA    | 101004790728 | 3,99                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 14                      | 0,56                        | 25               | 1,00               | 13.913.874                        | 21             | 13.913.874                              | 1.331.668              | 12.582.206         |                             | -                   | 3,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.896.000                                            | 3.896.000                     | -                      | 16.478.206  |                                                                                                                     |
| 53  | NGUYEN THI TUYEN      | 103004803744 | 3,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           | -                | -                  | 7.815.600                         | 21             | 7.815.600                               | 898.794                | 6.916.806          | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.999.120                                            | 3.999.120                     | -                      | 10.915.926  |                                                                                                                     |
| 54  | TRUONG QUANG HUNG     | 105006735296 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 10                      | 0,33                        | 25               | 0,83               | 11.455.470                        | 21             | 11.455.470                              | 1.093.353              | 10.362.117         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.552.000                                            | 2.552.000                     | -                      | 12.914.117  |                                                                                                                     |
| 55  | NGO VAN BACH          | 106004443553 | 4,98                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 23                      | 1,15                        | 25               | 1,25               | 17.246.736                        | 21             | 17.246.736                              | 1.648.345              | 15.598.391         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.212.000                                            | 3.212.000                     | -                      | 18.810.391  |                                                                                                                     |
| 56  | TRAN THI HOA VI       | 104004465939 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 9                       | 0,33                        | 25               | 0,92               | 11.476.296                        | 21             | 11.476.296                              | 1.073.548              | 10.402.748         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                            | 3.084.000                     | 75.795                 | 13.562.543  | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T8/2024 tăng từ 8% lên 9%                                                         |
| 57  | NGUYEN THI NGOC DIEM  | 104006844113 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           | 25               | 0,83               | 9.740.250                         | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844.147          |                             | -                   | 3,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.632.000                                            | 3.632.000                     |                        |             |                                                                                                                     |



| STT | HỌ TÊN               | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    | Số ngày làm việc                | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCD | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                           | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                                                                  |
|-----|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------|---------------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------|
|     |                      |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi    |                                 |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                                     |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung                                            |
| A   | B                    | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>*10 | 12=(2+4+5+6+9+1<br>1)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1<br>7   | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(<br>2+4+5+19+20)*400<br>.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                                                                |
| 88  | NGUYEN THI HOANG ANH | 103005366453 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 10                      | 0,33                        | 25               | 0,83               | 11.455.470                      | 21             | 11.455.470                              | 1.093.353              | 10.362.117         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.952.000                                           | 2.952.000                     | 68.961                 | 13.383.078  | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T8/2024 tăng từ 9% lên 10%     |
| 89  | HO THI THU HUONG     | 100005576437 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       |                             | 25               | 0,83               | 10.676.250                      | 21             | 10.676.250                              | 1.003.743              | 9.672.507          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.952.000                                           | 2.952.000                     | -                      | 12.624.507  |                                                                  |
| 90  | NGUYEN VAN HOA       | 102005884997 | 4,32                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 1,08               | 12.636.000                      | 21             | 12.636.000                              | 1.162.512              | 11.473.488         |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.028.000                                           | 3.028.000                     | -                      | 14.501.488  |                                                                  |
| 91  | PHAN THI HONG VINH   | 103005176695 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 13                      | 0,52                        | 25               | 1,00               | 12.884.508                      | 21             | 12.884.508                              | 1.213.291              | 11.671.217         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.816.000                                           | 2.816.000                     | -                      | 14.487.217  |                                                                  |
| 92  | DAO HOANG THIEN KIM  | 109882251461 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,92               | 10.705.500                      | 21             | 10.705.500                              | 984.906                | 9.720.594          |                             | -                   | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.764.000                                           | 2.764.000                     | -                      | 12.484.594  |                                                                  |
| 93  | LE HOANG VINH        | 101866707192 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,83               | 9.740.250                       | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844.147          |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.552.000                                           | 3.552.000                     | -                      | 12.396.147  |                                                                  |
| 94  | NGUYEN DINH THANG    | 103004785456 | 3,66                  |                 | -                   | 0,30             | 0,40             |                      | 14                      | 0,55                        | 25               | 0,99               | 13.816.296                      | 21             | 13.816.296                              | 1.322.465              | 12.493.831         |                             | -                   | 3,50                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.884.000                                           | 3.884.000                     | -                      | 16.377.831  |                                                                  |
| 95  | LE THANH DAT         | 106005151392 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       |                             | 25               | 0,75               | 9.711.000                       | 21             | 9.711.000                               | 914.940                | 8.796.060          |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.420.000                                           | 3.420.000                     | -                      | 12.216.060  |                                                                  |
| 96  | TRAN THI NGOC PHUONG | 101005677105 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | 12                      | 0,44                        | 25               | 0,92               | 12.669.228                      | 21             | 12.669.228                              | 1.210.735              | 11.458.493         |                             | -                   | 4,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.364.000                                           | 3.364.000                     | -                      | 14.822.493  |                                                                  |
| 97  | HO SI DUNG           | 104001539601 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,75               | 8.775.000                       | 21             | 8.775.000                               | 807.300                | 7.967.700          |                             | -                   | 3,30                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 3.420.000                                           | 3.420.000                     | -                      | 11.387.700  |                                                                  |
| 98  | NGHIEM PHUONG THAO   | 107003553961 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       |                             | 25               | 0,92               | 11.641.500                      | 21             | 11.641.500                              | 1.092.546              | 10.548.954         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.164.000                                           | 3.164.000                     | -                      | 13.712.954  |                                                                  |
| 99  | LAM DIEM PHUONG      | 101867133701 | 3,33                  |                 | -                   | 0,30             | 0,40             |                      | -                       |                             | 25               | 0,91               | 11.553.750                      | 21             | 11.553.750                              | 1.084.473              | 10.469.277         |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.152.000                                           | 3.152.000                     | -                      | 13.621.277  |                                                                  |
| 100 | TRINH HOANG VU       | 102001437214 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,75               | 2.808.000                       | 21             | 2.808.000                               | 807.300                | 2.000.700          | 0                           | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | -                                                   | -                             | -                      | 2.000.700   | Học nước ngoài từ 2/3/2023-2/3/2027                              |
| 101 | NGUYEN TUNG LAM      | 100867412788 | 2,84                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,71               | 8.315.357                       | 21             | 8.315.357                               | 765.013                | 7.550.344          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.757.143                                           | 2.757.143                     | -                      | 10.307.487  |                                                                  |
| 102 | VU NHU MAI           | 101005416787 | 2,84                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,71               | 8.315.357                       | 21             | 8.315.357                               | 765.013                | 7.550.344          |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.357.143                                           | 2.357.143                     | -                      | 9.907.487   |                                                                  |
| 103 | HOANG QUOC THANG     | 107004769305 | 3,99                  |                 | -                   | 0,40             | 0,20             |                      | 14                      | 0,61                        | 25               | 1,10               | 14.746.914                      | 21             | 14.746.914                              | 1.400.558              | 13.346.356         |                             | -                   | 4,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.656.000                                           | 3.656.000                     | -                      | 17.002.356  |                                                                  |
| 104 | TRUONG SANG KIEN     | 101006271910 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       |                             | 25               | 0,83               | 10.208.250                      | 21             | 10.208.250                              | 949.923                | 9.258.327          |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.032.000                                           | 3.032.000                     | -                      | 12.290.327  |                                                                  |
| 105 | NGUYEN THIEN PHU     | 104006540131 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | 9                       | 0,30                        | 25               | 0,83               | 10.909.548                      | 21             | 10.909.548                              | 1.030.572              | 9.878.976          |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.032.000                                           | 3.032.000                     | -                      | 12.910.976  |                                                                  |
| 106 | HUYNH VAN KHANH      | 106001292989 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       |                             | 25               | 0,83               | 3.116.880                       | 21             | 3.116.880                               | 949.923                | 2.166.957          |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | -                                                   | -                             | -                      | 2.166.957   | Học nước ngoài từ 28/9/2022-28/10/2026                           |
| 107 | PHAN VUONG HUY DONG  | 108004443685 | 4,98                  | 9               | 0,448               |                  | -                |                      | 31                      | 1,68                        | 25               | 1,36               | 19.815.101                      | 21             | 19.815.101                              | 1.913.554              | 17.901.547         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.791.280                                           | 3.791.280                     | -                      | 21.692.827  |                                                                  |
| 108 | NGUYEN THUY SONG HA  | 107004443686 | 4,65                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 22                      | 1,02                        | 25               | 1,16               | 15.995.070                      | 21             | 15.995.070                              | 1.526.604              | 14.468.466         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.480.000                                           | 3.480.000                     | 192.594                | 18.141.060  | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 tăng từ 21% lên 22% |
| 109 | PHAN THI HONG DUC    | 100004384005 | 5,76                  |                 | -                   | 0,30             | -                |                      | 25                      | 1,52                        | 25               | 1,52               | 21.270.600                      | 21             | 21.270.600                              | 2.038.433              | 19.232.167         |                             | -                   | 4,00                  | 1,50             | -                  | 300.000              | 4.924.000                                           | 4.924.000                     | -                      | 24.156.167  |                                                                  |
| 110 | NGUYEN ANH KHOI      | 103004384054 | 6,20                  |                 | -                   | 0,30             | -                |                      | 15                      | 0,98                        | 25               | 1,63               | 21.294.000                      | 21             | 21.294.000                              | 2.011.523              | 19.282.477         |                             | -                   | 4,00                  | -                | -                  | 300.000              | 4.500.000                                           | 4.500.000                     | -                      | 23.782.477  |                                                                  |
| 111 | NGUYEN THI THANH SON | 104006278482 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       |                             | 25               | 0,83               | 9.740.250                       | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844.147          |                             | -                   | 3,30                  | -                |                    |                      |                                                     |                               |                        |             |                                                                  |



| STT             | HỌ TÊN              | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                   | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BXNH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%DPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú        |                                                                                    |
|-----------------|---------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |                     |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi   |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |                | Tổng thu nhập bổ sung                                                              |
| A               | B                   | 1            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>10 | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1<br>7   | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25    | C                                                                                  |
| 68              | LE THI DUNG         | 107878725825 | 3,00                  |                 |                     |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                 | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.904.000                                   | 3.904.000                     | -                      | 10.116.700     |                                                                                    |
| TỔNG HDLD       |                     |              | 77,46                 |                 | -                   | -                | 0,40             | -                    | -                       | -                           | -                | -                 | 174.695,040                 |                | 174.695,040                             | 20.952,126             | 153.742,914        |                             | 15,49               | 72,30                 | 1,50             | 1.500.000          | 9.000.000            | 100.300,160                                 | 100.300,160                   | (19.472,080)           | 234.570,994    |                                                                                    |
| TỔNG KHOA YTCC  |                     |              | 218,37                |                 | 0,70                | 2,00             | 1,00             | -                    |                         | 10,41                       |                  | 34,59             | 603.858,631                 |                | 603.858,631                             | 61.886,662             | 541.971,969        |                             | 16,64               | 183,70                | 14,25            | 3.500.000          | 20.400.000           | 220.978,720                                 | 220.978,720                   | 34.428,383             | 797.379,572    |                                                                                    |
| XXXII KHOA YVD  |                     |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                   |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |                |                                                                                    |
| 1               | CHAU VAN TRO        | 108004443658 | 6,56                  |                 | -                   | 0,50             | 0,20             |                      | 17                      | 1,20                        | 25               | 1,77              | 23.926.968                  | 21             | 23.926.968                              | 2.276.640              | 21.650.328         |                             | -                   | 5,50                  | 2,25             | -                  | 300.000              | 6.224.000                                   | 6.224.000                     | 88,105                 | 27.962,433     | - Truy lãnh Lương + PC ngày 30/8/24 do tăng hệ số từ 6,20 lên 6,56                 |
| 2               | DOAN THI DIEM DUYEN | 103004443434 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 9.336.600                   | 21             | 9.336.600                               | 1.073.709              | 8.262,891          | 20                          | 0,80                | 3,30                  | 1,25             | -                  | 300.000              | 5.583,320                                   | 5.583,320                     | -                      | 13.846,211     |                                                                                    |
| 3               | LE PHUONG NGAN      | 101871698703 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 1.868.000                                   | 1.868,000                     | -                      | 1.868.000      | Thai sản từ 20/07/2024 - 20/01/2025                                                |
| 4               | NGO MINH NHAT       | 107004297410 | 3,66                  |                 | -                   | 0,30             | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 9.266.400                   | 21             | 9.266.400                               | 1.065.636              | 8.200,764          | 20                          | 0,79                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 5.057,280                                   | 5.057,280                     | -                      | 13.258,044     |                                                                                    |
| TỔNG VC         |                     |              | 16,88                 |                 | -                   | 0,80             | 0,20             | -                    | 17,00                   | 1,20                        | 25,00            | 1,77              | 42.529,968                  |                | 42.529,968                              | 4.415,985              | 38.113,983         |                             | 2,12                | 14,10                 | 3,50             | -                  | 1.200.000            | 18.732,600                                  | 18.732,600                    | 88,105                 | 56.934,688     |                                                                                    |
| 5               | LAI NGHI QUYEN      | 109871049358 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529,303          | 20                          | 0,53                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.817,560                                   | 3.817,560                     | -                      | 9.346,863      |                                                                                    |
| 6               | PHAM DUC VU         | 108880570421 | 2,34                  |                 |                     |                  | 0,30             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.177.600                   | 21             | 6.177.600                               | 710.424                | 5.467,176          | 20                          | 0,47                | 2,00                  |                  | -                  | 300.000              | 3.131,120                                   | 3.131,120                     | -                      | 8.598,296      |                                                                                    |
| TỔNG HDLD       |                     |              | 5,01                  |                 | -                   | -                | 0,30             | -                    | -                       | -                           | -                | -                 | 12.425,400                  |                | 12.425,400                              | 1.428,921              | 10.996,479         |                             | 1,00                | 5,00                  | -                | -                  | 600,000              | 6.948,680                                   | 6.948,680                     | -                      | 17.945,159     |                                                                                    |
| TỔNG KHOA YVD   |                     |              | 21,89                 |                 | -                   | 0,80             | 0,50             | -                    |                         | 1,20                        |                  | 1,77              | 54.955,368                  |                | 54.955,368                              | 5.844,906              | 49.110,462         |                             | 3,13                | 19,10                 | 3,50             | -                  | 1.800.000            | 25.681,280                                  | 25.681,280                    | 88,105                 | 74.879,847     |                                                                                    |
| XXXII KHOA YDCT |                     |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                   |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |                |                                                                                    |
| 1               | NGUYEN THI PHUONG   | 108867127572 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | 25                          |                  | 0,75              | 8.775.000                   | 21             | 8.775.000                               | 807.300                | 7.967,700          |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.420.000                                   | 2.420,000                     | -                      | 10.387,700     | - Truy lãnh Lương + PC 17/8/2024 tiếp nhận sau khi học nước ngoài về từ 31/10/2021 |
| 2               | LUONG THAI VINH     | 100006303427 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 11                      | 0,40                        | 25               | 0,92              | 11.647.584                  | 21             | 11.647.584                              | 1.093.246              | 10.554,338         |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.084.000                                   | 3.084,000                     | 19.075,748             | 32.714,086     |                                                                                    |
| 3               | LE THI DIEU HANG    | 107004331797 | 3,99                  |                 | -                   |                  | -                |                      | 15                      | 0,60                        | 25               | 1,00              | 13.071.240                  | 21             | 13.071.240                              | 1.234.765              | 11.836,475         |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.816.000                                   | 2.816,000                     | 165,258                | 14.817,733     | - Truy lãnh PC thâm niên nhà giáo T7+T8/2024 tăng từ 14% lên 15%                   |
| 4               | LE THI TUONG VAN    | 108006350260 | 3,66                  |                 | -                   | 0,30             | -                |                      | 11                      | 0,44                        | 25               | 0,99              | 12.602.304                  | 21             | 12.602.304                              | 1.182.856              | 11.419,448         |                             | -                   | 3,30                  |                  | -                  | 300.000              | 3.204.000                                   | 3.204,000                     | -                      | 14.623,448     |                                                                                    |
| 5               | VO THI NGOC HA      | 106002013658 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | 25                          |                  | 0,83              | 9.740.250                   | 21             | 9.740.250                               | 896.103                | 8.844,147          |                             | -                   | 3,80                  | -                | -                  | 300.000              | 3.152.000                                   | 3.152,000                     | -                      | 11.996,147     |                                                                                    |
| 6               | KHUU MY LE          | 101867717770 | 3,33                  |                 | -                   | 0,40             | 0,30             |                      | -                       | 25                          |                  | 0,93              | 11.612.250                  | 21             | 11.612.250                              | 1.084.473              | 10.527,777         |                             | -                   | 4,00                  | 1,75             | -                  | 300.000              | 4.092.000                                   | 4.092,000                     | -                      | 14.619,777     |                                                                                    |
| 7               | NGUYEN MANH TRI     | 102882620239 | 4,65                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | 25                          |                  | 1,16              | 13.601.250                  | 21             | 13.601.250                              | 1.251.315              | 12.349,935         |                             | -                   | 4,50                  | -                | -                  | 300.000              | 3.960.000                                   | 3.960,000                     | -                      | 16.309,935     |                                                                                    |
| TỔNG VC         |                     |              | 25,62                 |                 | -                   | 0,70             | 0,30             | -                    | 37,00                   | 1,44                        | 175,00           | 6,58              | 81.049,878                  |                | 81.049,878                              | 7.550,058              | 73.499,820         | -                           | -                   | 23,50                 | 1,75             | -                  | 2.100.000            | 22.728.000                                  | 22.728.000                    | 19.241,005             | 115.468,825    |                                                                                    |
| 8               | NGUYEN DUC NGOC     | 105882174473 | 2,34                  |                 |                     |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | -              | Tạm ngưng lương chờ ký HĐ chính thức                                               |
| TỔNG HDLD       |                     |              | 2,34                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -                 | -                           |                | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000,00           | -                                           | -                             | -                      | -              |                                                                                    |
| TỔNG KHOA YDCT  |                     |              | 27,96                 |                 | -                   | 0,70             | 0,30             | -                    | 37,00                   | 1,44                        | 175,00           | 6,58              | 81.049,878,00               |                | 81.049,878,00                           | 7.550,058,00           | 73.499,820,00      | 20                          | 0,47                | 25,50                 | 1,75             | -                  | 2.400.000,00         | 22.728.000,00                               | 22.728.000,00                 | 19.241,005,39          | 115.468,825,39 |                                                                                    |
| XXXIV KHOA Y    |                     |              |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                   |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |                |                                                                                    |
| 1               | NGO HONG NGOC       | 104868103286 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | 25                          |                  | 0,67              | 8.277.750                   | 21             | 8.277.750                               | 772.317                | 7.505,433          |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |                |                                                                                    |



| STT     | HỌ TÊN                 | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                    | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú       |                                                        |
|---------|------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|---------------|--------------------------------------------------------|
|         |                        |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi    |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |               | Tổng thu nhập bổ sung                                  |
| A       | B                      | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>*10 | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1<br>7   | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25   | C                                                      |
| 147     | NGUYEN MINH TRUNG      | 102875589205 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67               | 8.277.750                   | 21             | 8.277.750                               | 772.317                | 7.505.433          |                             | -                   | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.288.000                                   | 2.288.000                     | -                      | 9.793.433     |                                                        |
| 148     | PHAM THY THIEN         | 103866703974 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 9.711.000                   | 21             | 9.711.000                               | 914.940                | 8.796.060          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.820.000                                   | 2.820.000                     | -                      | 11.616.060    |                                                        |
| 149     | LE KIM TUYEN           | 106876095184 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 8.775.000                   | 21             | 8.775.000                               | 807.300                | 7.967.700          |                             | -                   | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 2.300.000                                   | 2.300.000                     | -                      | 10.267.700    |                                                        |
| 150     | TRAN THINH             | 102006588134 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67               | 2.499.120                   | 21             | 2.499.120                               | 772.317                | 1.726.803          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | 1.726.803     | Học nước ngoài từ 1/8/2022-1/8/2025                    |
| 151     | LE NGOC VAN ANH        | 104872933995 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 2.808.000                   | 21             | 2.808.000                               | 807.300                | 2.000.700          |                             | -                   | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | -                                           | -                             | -                      | 2.000.700     | Học nước ngoài từ 8/8/2022-8/8/2025 (Tinh từ 1/8/2022) |
| 152     | BUI HIEU ANH           | 103005518004 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 8.775.000                   | 21             | 8.775.000                               | 807.300                | 7.967.700          |                             | -                   | 2,80                  |                  | -                  | 300.000              | 2.620.000                                   | 2.620.000                     | -                      | 10.587.700    |                                                        |
| 153     | LE THUY PHUONG TRUC    | 104001437209 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 9.711.000                   | 21             | 9.711.000                               | 914.940                | 8.796.060          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.820.000                                   | 2.820.000                     | -                      | 11.616.060    |                                                        |
| 154     | NGUYEN MINH THU        | 104872361667 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,67               | 8.745.750                   | 21             | 8.745.750                               | 826.137                | 7.919.613          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.688.000                                   | 2.688.000                     | -                      | 10.607.613    |                                                        |
| 155     | TRAN THI DANG DUNG     | 101866810723 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 9.711.000                   | 21             | 9.711.000                               | 914.940                | 8.796.060          |                             | -                   | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 2.300.000                                   | 2.300.000                     | -                      | 11.096.060    |                                                        |
| 156     | NGUYEN DAI HUNG LINH   | 105871743424 | 3,17                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,79               | 10.193.625                  | 21             | 10.193.625                              | 959.342                | 9.234.283          |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.966.000                                   | 2.966.000                     | -                      | 12.200.283    |                                                        |
| 157     | CHU TAN HUY            | 105003629109 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 9.243.000                   | 21             | 9.243.000                               | 861.120                | 8.381.880          |                             | -                   | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 2.900.000                                   | 2.900.000                     | -                      | 11.281.880    |                                                        |
| 158     | NGUYEN TRAN NGOC HUYEN | 103869852629 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 9.243.000                   | 21             | 9.243.000                               | 861.120                | 8.381.880          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.820.000                                   | 2.820.000                     | -                      | 11.201.880    |                                                        |
| 159     | TON TUONG TRI HAI      | 101004721146 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 8.775.000                   | 21             | 8.775.000                               | 807.300                | 7.967.700          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.820.000                                   | 2.820.000                     | -                      | 10.787.700    |                                                        |
| 160     | DO VU PHUONG           | 102870587566 | 4,98                  | 5               | 0,249               |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 12.235.860                  | 16             | 9.322.560                               | 1.407.124              | 7.915.436          | 20                          | 1,05                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 5.638.772                                   | 4.296.207                     | -                      | 12.211.643    |                                                        |
| 161     | NGUYEN NGOC HIEU       | 103001602745 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.824.000                                   | 3.824.000                     | -                      | 10.036.700    |                                                        |
| 162     | NGUYEN TAN LUAT        | 103004938334 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           | 25               | 0,75               | 9.711.000                   | 21             | 9.711.000                               | 914.940                | 8.796.060          |                             | -                   | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 2.820.000                                   | 2.820.000                     | -                      | 11.616.060    |                                                        |
| TỔNG VC |                        |              | 630,08                |                 | 2,86                | 6,80             | 24,80            | -                    | 1.402,00                | 67,51                       | #####            | 152,96             | 2.033.303.309               |                | 2.029.080.679                           | 195.765.849            | 1.833.314.830      |                             | 5,58                | 489,80                | 30,00            | -                  | 48.600.000           | 512.446.681                                 | 510.815.735                   | (3.434.716)            | 2.340.695.849 |                                                        |
| 163     | PHAM THI NGOC THAM     | 106004538610 | 3,03                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.090.200                   | 21             | 7.090.200                               | 815.373                | 6.274.827          | 20                          | 0,61                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.730.040                                   | 3.730.040                     | -                      | 10.004.867    |                                                        |
| 164     | DU TRONG DUC           | 103005664374 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -                  | 9.500.400                   | 21             | 9.500.400                               | 1.092.546              | 8.407.854          | 20                          | 0,73                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.796.880                                   | 4.796.880                     | -                      | 13.204.734    |                                                        |
| 165     | LAI QUANG LOC          | 105006274173 | 3,33                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -                  | 8.728.200                   | 21             | 8.728.200                               | 1.003.743              | 7.724.457          | 20                          | 0,67                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.990.440                                   | 3.990.440                     | -                      | 11.714.897    |                                                        |
| 166     | HOANG THI KIEU HOA     | 107001131202 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.510.440                                   | 4.510.440                     | -                      | 11.406.537    |                                                        |
| 167     | NGUYEN TRAN QUOC VIET  | 107005158190 | 3,33                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.792.200                   | 21             | 7.792.200                               | 896.103                | 6.896.097          | 20                          | 0,67                | 2,50                  | -                | -                  | 300.000              | 4.190.440                                   | 4.190.440                     | -                      | 11.086.537    |                                                        |
| 168     | NGUYEN VAN KHOA        | 104006509554 | 3,66                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 8.564.400                   | 21             | 8.564.400                               | 984.906                | 7.579.494          | 20                          | 0,73                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.396.880                                   | 4.396.880                     | -                      | 11.976.374    |                                                        |
| 169     | LE KIM LONG            | 101001539834 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -                  | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.224.000                                   | 4.224.000                     | -                      | 10.436.700    |                                                        |
| 170     | LE THI HONG VAN        | 106005661728 | 3,66                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      |                         | -                           |                  | -                  | 9.500.400                   | 21             | 9.500.400                               | 1.092.54               |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |               |                                                        |



| STT | HỌ TÊN                 | SỐ TK        | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                   | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú     |                       |
|-----|------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-------------|-----------------------|
|     |                        |              | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi   |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |             | Tổng thu nhập bổ sung |
| A   | B                      | I            | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*<br>8             | 10               | 11=(2+4+5)*<br>10 | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*1<br>7   | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25 | C                     |
| 208 | LY THI MY NGAN         | 108869317902 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                     | -                      | 9.066.863   |                       |
| 209 | PHAM NGOC HUY          | 107000009483 | 3,00                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 7.020.000                   | 21             | 7.020.000                               | 807.300                | 6.212.700          | 20                          | 0,60                | 3,50                  | -                | -                  | 300.000              | 4.304.000                                   | 4.304.000                     | -                      | 10.516.700  |                       |
| 210 | HUYNH QUANG TUYEN      | 103001652229 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 8.946.863   |                       |
| 211 | CHU HOANG PHU KHUE     | 104003750824 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 8.946.863   |                       |
| 212 | PHAM DO PHUONG ANH     | 102871009394 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.361.043   |                       |
| 213 | VO QUANG TIEN          | 105866780085 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.361.043   |                       |
| 214 | TRAN QUOC CUONG        | 107871101573 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.417.560                                   | 3.417.560                     | -                      | 9.361.043   |                       |
| 215 | HAN DUC DAT            | 106871051324 | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.817.560                                   | 3.817.560                     | -                      | 9.346.863   |                       |
| 216 | VU MINH HONG           | 103872315324 | 2,84                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.652.286                   | 21             | 6.652.286                               | 765.013                | 5.887.273          | 20                          | 0,57                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 4.087.600                                   | 4.087.600                     | -                      | 9.974.873   |                       |
| 217 | TON THI MINH CHAU      | 101005642240 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.715.800                   | 21             | 6.715.800                               | 772.317                | 5.943.483          | 20                          | 0,53                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.937.560                                   | 3.937.560                     | -                      | 9.881.043   |                       |
| 218 | CHAU HONG ANH          | 100872773931 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 5.943.600                   | 21             | 5.943.600                               | 683.514                | 5.260.086          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.391.206   |                       |
| 219 | NGUYEN KIM SON         | 106872773501 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 5.943.600                   | 21             | 5.943.600                               | 683.514                | 5.260.086          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.391.206   |                       |
| 220 | TRAN GIA HUY           | 100872770143 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.531.120                                   | 3.531.120                     | -                      | 8.377.026   |                       |
| 221 | NGUYEN THI QUYNH GIANG | 109872780830 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.805.386   |                       |
| 222 | NGUYEN VIET TAM        | 108872769322 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,20             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 5.943.600                   | 21             | 5.943.600                               | 683.514                | 5.260.086          | 20                          | 0,47                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.131.120                                   | 3.131.120                     | -                      | 8.391.206   |                       |
| 223 | LAM HO GIA PHUC        | 106872773756 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.531.120                                   | 3.531.120                     | -                      | 9.205.386   |                       |
| 224 | VO THANH NHAN          | 104869108908 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.651.120                                   | 3.651.120                     | -                      | 9.325.386   |                       |
| 225 | TRAM QUOC TUONG        | 109867868863 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.651.120                                   | 3.651.120                     | -                      | 9.325.386   |                       |
| 226 | DANG TRAN CONG THANH   | 106868829429 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.651.120                                   | 3.651.120                     | -                      | 9.325.386   |                       |
| 227 | TRUONG THI PHUONG THAO | 106869123481 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.651.120                                   | 3.651.120                     | -                      | 9.325.386   |                       |
| 228 | LE NHAT MINH           | 108867985408 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.251.120                                   | 3.251.120                     | -                      | 8.097.026   |                       |
| 229 | HA MINH HUU TAI        | 105868050992 | 2,34                  |                 | -                   |                  | -                |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 5.475.600                   | 21             | 5.475.600                               | 629.694                | 4.845.906          | 20                          | 0,47                | 2,30                  | -                | -                  | 300.000              | 3.251.120                                   | 3.251.120                     | -                      | 8.097.026   |                       |
| 230 | TRAN THI NGOC HA       | 100006287791 | 3,00                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 7.956.000                   | 21             | 7.956.000                               | 914.940                | 7.041.060          | 20                          | 0,60                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.704.000                                   | 3.704.000                     | -                      | 10.745.060  |                       |
| 231 | BUI THI HONG HANH      | 106867961560 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 6.411.600                   | 21             | 6.411.600                               | 737.334                | 5.674.266          | 20                          | 0,47                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.531.120                                   | 3.531.120                     | -                      | 9.205.386   |                       |
| 232 | TRAN THAI THU          | 104871039923 | 2,67                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 | 7.183.800                   | 21             | 7.183.800                               | 826.137                | 6.357.663          | 20                          | 0,53                | 3,00                  | -                | -                  | 300.000              | 3.817.560                                   | 3.817.560                     | -                      | 10.175.223  |                       |
| 233 | PHAN NGOC PHUONG THAO  | 104867961848 | 2,34                  |                 | -                   |                  | 0,40             |                      | -                       | -                           |                  | -                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |             |                       |



| STT         | HỌ TÊN                | SỐ TK                                                                                           | Tổng lương và phụ cấp |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 | Số ngày làm việc            | Lương theo NLV | 8%BHXH<br>1.5% BHYT<br>1%BHTN<br>1%ĐPCĐ | Lương sau trừ bảo hiểm | Thu nhập bổ sung   |                             |                     |                       |                  |                    |                      | Thu nhập bổ sung theo NLV                   | Các khoản truy lãnh/ truy thu | Tổng thu nhập theo NLV | Ghi chú        |                                         |  |
|-------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|---------------------|------------------|------------------|----------------------|-------------------------|-----------------------------|------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|------------------------|----------------|-----------------------------------------|--|
|             |                       |                                                                                                 | Hệ số lương           | % PC Vượt khung | Hệ số PC vượt khung | Hệ số PC chức vụ | Hệ số PC độc hại | Hệ số PC Trách nhiệm | % PC Thâm niên nhà giáo | Hệ số PC Thâm niên Nhà giáo | % Phụ cấp ưu đãi | Hệ số PC Ưu đãi |                             |                |                                         |                        | Tổng lương 1 tháng | % Hệ số PC ưu đãi theo nghề | PC ưu đãi theo nghề | Hệ số Vị trí công tác | Hệ số Kiểm nhiệm | Công tác phí khoán | Điện thoại phí khoán |                                             |                               |                        |                | Tổng thu nhập bổ sung                   |  |
| A           | B                     | I                                                                                               | 2                     | 3               | 4=2*3               | 5                | 6                | 7                    | 8                       | 9=(2+4+5)*8                 | 10               | 11=(2+4+5)*10   | 12=(2+4+5+6+9+11)*2.340.000 | 13             | 14=21/NLV*13                            | 15                     | 16=14-15           | 17                          | 18=(2+4+5)*17       | 19                    | 20               | 21                 | 22                   | 23=18*2.340.000+(2+4+5+19+20)*400.000+21+22 | 24=23/NLV*13                  | 25                     | 26=14+24+25    | C                                       |  |
| 268         | NGUYEN THI THUY TRANG | 100870872140                                                                                    | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 5.310.630                   | 10             | 2.528.871                               | 610.722                | 1.918.149          | 20                          | 0,53                | 2,30                  |                  |                    | 300.000              | 3.051.926                                   | 1.453.298                     | 12.133.305             | 15.504.752     | -Truy lãnh lương + PC từ 15/7-31/8/2024 |  |
| 268         | LUONG PHUOC BAO DUC   | 105899413939                                                                                    | 2,67                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | 6.247.800                   | 21             | 6.247.800                               | 718.497                | 5.529.303          | 20                          | 0,53                | 2,30                  |                  |                    | 300.000              | 3.537.560                                   | 3.537.560                     | -                      | 9.066.863      |                                         |  |
| TỔNG HDLD   |                       |                                                                                                 | 298,32                |                 | -                   | -                | 13,40            | -                    | -                       | -                           | -                | -               | 655.672.346                 |                | 650.108.828                             | 75.402.319             | 574.706.509        |                             | 59,66               | 271,00                | 7,25             | -                  | 32.100.000           | 360.348.012                                 | 357.150.756                   | 24.266.609             | 956.123.874    |                                         |  |
| 270         | BUI THI XUAN NGAN     | 106005210160                                                                                    | 2,40                  |                 | -                   |                  | -                |                      |                         | -                           |                  | -               | -                           | 21             | -                                       | -                      | -                  | 20                          | 0,48                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 1.760.000                                   | 1.760.000                     | -                      | 1.760.000      | Thai sản từ 22/2/2024-22/8/2024         |  |
| TỔNG HD 111 |                       |                                                                                                 | 2,40                  |                 | -                   | -                | -                | -                    | -                       | -                           | -                | -               | -                           |                | -                                       | -                      | -                  |                             | 0,48                | 2,00                  | -                | -                  | 300.000              | 1.760.000                                   | 1.760.000                     | -                      | 1.760.000      |                                         |  |
| TỔNG KHOA Y |                       |                                                                                                 | 930,806               |                 | 2,863               | 6,800            | 38,200           | -                    |                         | 67,509                      |                  | 152,964         | 2.688.975.655               |                | 2.679.189.507                           | 271.168.168            | 2.408.021.339      |                             | 65,722              | 762,800               | 37,250           | -                  | 81.000.000           | 874.554.693                                 | 869.726.491                   | 20.831.893             | 3.298.579.723  |                                         |  |
| TỔNG CỘNG   |                       |                                                                                                 | 3.113,29              | 8,00            | 12,70               | 41,90            | 100,50           | 0,70                 | 37,00                   | 187,89                      | 225,00           | 403,95          | 8.705.779.931               |                | 8.695.564.783                           | 903.209.592            | 7.792.355.191      |                             | 319,30              | 2.513,30              | 182,50           | 73.300.000         | 283.000.000          | 3.308.408.368                               | 3.303.451.595                 | 136.315.299            | 11.232.122.085 |                                         |  |
|             | Bảng chữ              | Mười một tỷ hai trăm ba mươi hai triệu một trăm hai mươi hai ngàn không trăm tám mươi lăm đồng. |                       |                 |                     |                  |                  |                      |                         |                             |                  |                 |                             |                |                                         |                        |                    |                             |                     |                       |                  |                    |                      |                                             |                               |                        |                |                                         |  |

Lập biểu



Nguyễn Trần Phi Phúc

Kế toán trưởng



ThS. Vũ Thị Hải Yến

Ngày 05 tháng 9 năm 2024

Hiệu trưởng



PGS. TS. BS Nguyễn Thanh Hiệp

